

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1.1. Các khái niệm nền tảng liên quan đến kế toán thuế giá trị gia tăng.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò và phân loại thuế.

Khái niệm

- Thuế là khoản tiền mà chính phủ đánh vào thu nhập của cá nhân và doanh nghiệp (thuế trực thu) hoặc vào hàng hoá và dịch vụ (thuế gián thu). Thuế được chính phủ sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau.

Đặc điểm của thuế:

- Thuế là khoản đóng góp có tính chất bắt buộc vào ngân sách nhà nước.
- Thuế là khoản đóng góp có tính chất quyền lực.
- Thuế không mang tính đổi giá hay hoàn trả trực tiếp.
- Thuế là khoản đóng góp có tính chất vĩnh viễn.

Vai trò

- Là công cụ huy động nguồn lực vật chất cho nhà nước.
- Là công cụ điều hòa thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.
- Là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Phân loại

- **Theo phương pháp đánh thuế:** Thuế trực thu và Thuế gián thu.
- **Theo đối tượng tính thuế:** Thuế đánh vào tài sản, Thuế đánh vào thu nhập và Thuế tiêu dùng.
- **Theo tỷ lệ phần trăm:** Thuế đánh theo mức tuyệt đối, Thuế đánh theo tỷ lệ phần trăm.

1.1.2. Thuế giá trị gia tăng.

- *Điều 2 của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 xác định rằng:*

“Thuế giá trị gia tăng là loại thuế được tính trên giá trị gia tăng của hàng hóa và dịch vụ phát sinh trong quá trình từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.”

- Hơn nữa, thuế GTGT thường được gọi là thuế VAT.

1.1.3. Đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế.

📌 Đối tượng chịu thuế.

Căn cứ điều 3 luật thuế GTGT số 13/2008/QH12

“Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT.”

📌 Đối tượng không chịu thuế.

Căn cứ điều 4 thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn luật thuế GTGT và Nghị định 209/2013/NĐ-CP và được sửa đổi bổ sung tại thông tư 26/2015/TT-BTC, thông tư 130/2016/TT-BTC, thông tư 25/2018/TT/BTC.

- Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. *(Khoản này được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC)*
- Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền ở các khâu nuôi trồng, nhập khẩu và kinh doanh thương mại.
- Tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.
- Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt.
- Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê.
- Chuyển quyền sử dụng đất.
- Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm người học, bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng và tái bảo hiểm.
- Dịch vụ cấp tín dụng; kinh doanh chứng khoán; chuyển nhượng vốn; dịch vụ tài chính phái sinh, bao gồm hoán đổi lãi suất, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, quyền chọn mua, bán ngoại tệ và các dịch vụ tài chính phái sinh khác theo quy định của pháp luật. *(Điểm này được sửa đổi bởi khoản 3 điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC)*

- Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi. ***(Khoản này được sửa đổi bởi điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC)***
- Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập theo chương trình của Chính phủ.
- Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư; duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ.
- Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.
- Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật.
- Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; in tiền.
- Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện theo các tuyến trong nội tỉnh, trong đô thị và các tuyến lân cận ngoại tỉnh theo quy định của pháp luật về giao thông. ***(Khoản này được sửa đổi bởi điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC)***
- Máy móc, thiết bị, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, thuê của nước ngoài sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và để cho thuê.
- Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.
- Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ

chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế.

- Hàng hoá, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam.
- Hàng hoá chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hoá, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.
- Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ; phần mềm máy tính.
- Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác.
- Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến theo quy định của Chính phủ.
- Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh; nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người tàn tật.
- Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống.
- Ngoài ra còn các hàng hóa, dịch vụ sau:
 - Hàng hóa miễn thuế ở các cửa hàng miễn thuế theo quy định của Thủ tướng Chính Phủ.
 - Hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra.
 - Các hoạt động có thu phí, lệ phí của Nhà nước theo pháp luật về phí và lệ phí.
 - Rà phá bom mìn, vật nổ do các đơn vị quốc phòng thực hiện đối với các công trình được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

1.1.4. Thuế suất.

Thuế suất 0%

Căn cứ theo thông tư 219/2013/TT/BTC điều 9: thuế suất 0%:

Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

-Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Thuế suất 5%

Áp dụng với hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần khuyến khích hoặc sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn và các hàng hoá, dịch vụ cần được ưu đãi: nước sạch, thuốc chữa bệnh.

Thuế suất 10%

Căn cứ theo thông tư 219/2013/TT/BTC điều 11: thuế suất 10%:

Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.

Các mức thuế suất thuế GTGT nêu tại Điều 10, Điều 11 được áp dụng thống nhất cho từng loại hàng hóa, dịch vụ ở các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại.

Thuế suất 8%

Căn cứ theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP:

-Chính sách giảm thuế GTGT xuống 8% tại điểm a mục 1.1 khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 43/2022/QH1 như sau:

“Giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2022, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc,

dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.”

1.2. Phương pháp tính thuế GTGT.

1.2.1. Phương pháp khấu trừ

- Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ.
- Đăng ký tờ khai thuế theo phương pháp khấu trừ.

Công thức:

Số thuế GTGT phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra – Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

- **Số thuế GTGT đầu ra** : bằng tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn GTGT.

Thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT = **Giá tính thuế** của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra **X Thuế suất** thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó.

- **Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:**

Thuế GTGT đầu vào bằng tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả tài sản cố định) dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT, số thuế GTGT ghi trên chứng từ nộp thuế của hàng hóa nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ = Số thuế GTGT đầu vào – Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ

1.2.2. Phương pháp trực tiếp

- Doanh nghiệp, HTX đang hoạt động có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này.
- Doanh nghiệp, HTX mới thành lập, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này.
- Hộ, cá nhân kinh doanh. - Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, trừ các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí.
- Tổ chức kinh tế khác không phải là doanh nghiệp, HTX, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Hoạt động kinh doanh mua bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Công thức:

Số thuế GTGT phải nộp = Doanh thu X Tỷ lệ %
--

- **Doanh thu để tính thuế GTGT:** là tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ thực tế ghi trên hóa đơn bán hàng đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT bao gồm các khoản phụ thu, phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.
- **Mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT :**

Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được quy định theo từng hoạt động như sau:

- **Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%;**
- **Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;**
- **Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;**
- **Hoạt động kinh doanh khác: 2%.**

1.3. Khấu trừ và hoàn thuế GTGT

1.3.1. Khấu trừ thuế GTGT.

Theo Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC, theo Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC, Điều 9 Thông tư 151/2014/TT-BTC, Điều 3 Thông tư 119/TT-BTC quy định về nguyên tắc khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, cụ thể như sau:

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi hoàn của hàng hóa chịu thuế GTGT bị tổn thất.
- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.
- Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ, máy móc, thiết bị, kể cả thuế GTGT đầu vào của hoạt động đi thuê những tài sản, máy móc, thiết bị này và thuế GTGT đầu vào khác liên quan đến tài sản, máy móc, thiết bị như bảo hành, sửa chữa trong các trường hợp dưới đây thì sẽ không được khấu trừ mà tính vào nguyên giá của TSCĐ hoặc chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành:
 - *Tài sản cố định chuyên dùng phục vụ sản xuất vũ khí, khí tài phục vụ quốc phòng, an ninh;*
 - *Tài sản cố định, máy móc, thiết bị của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm, bảo hiểm nhân sự, kinh doanh chứng khoán, cơ sở khám, chữa bệnh, cơ sở đào tạo;*
 - *Tàu bay dân dụng, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn.*
- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa mà doanh nghiệp sử dụng để cho, biếu, tặng, khuyến mãi, quảng cáo dưới các hình thức, phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì được khấu trừ.
- Số thuế GTGT đã nộp theo quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan được khấu trừ toàn bộ, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế.

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong kỳ được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của kỳ đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho.
- Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế TNDN hoặc tính vào nguyên giá TSCĐ. Trừ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.
- DN không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với các trường hợp:
 - Hóa đơn GTGT sử dụng không đúng quy định của pháp luật;
 - Hóa đơn không ghi hoặc ghi không đúng một trong các chỉ tiêu như tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán nên không xác định được người bán;
 - Hóa đơn không ghi hoặc ghi không đúng một trong các chỉ tiêu như tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua nên không xác định được người mua;
 - Hóa đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn không;
 - Hóa đơn ghi giá trị không đúng giá trị thực tế của hàng hóa, dịch vụ mua, bán hoặc trao đổi.

1.3.1. Hoàn thuế GTGT.

❖ Các trường hợp được hoàn thuế GTGT

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC , điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC, khoản 1 Điều 60 và Điều 70 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 thì các trường hợp được hoàn thuế GTGT bao gồm:

- Các cơ sở kinh doanh:
 - Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - Thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án dầu khí
 - Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu
 - Có dự án đầu tư cùng tỉnh và khác tỉnh
 - Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thực hiện chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động
 - Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ (ODA)

- Hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao.
- Một số trường hợp khác
 - Mang hàng hóa theo người khi xuất cảnh.
 - NNT có số tiền đã nộp ngân sách nhà nước lớn hơn số phải nộp.
- ❖ **Điều kiện hoàn thuế GTGT**
 - Các cơ sở kinh doanh (CSKD), tổ chức thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT trên đây để được hoàn thuế phải đáp ứng đồng thời các điều kiện dưới đây:
 - Là CSKD nộp thuế theo phương pháp khấu trừ;
 - Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư (giấy phép hành nghề) hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền;
 - Có con dấu theo đúng quy định của pháp luật;
 - Lập và lưu giữ sổ kế toán, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán;
 - Có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng theo mã số thuế của CSKD.

1.4. Quy định về nơi nộp thuế.

Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế GTGT Theo Nghị định 126, Thông tư 80. Quy định về nơi nộp báo cáo, hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng Theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP và Thông tư 80/2021/TT-BTC

- ❖ Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp (bao gồm cả dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế cùng tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính). **(Khoản 1 Điều 45 Luật Quản lý thuế)**
- ❖ “Trường hợp người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc trực tiếp bán hàng, sử dụng hoá đơn do đơn vị phụ thuộc đăng ký hoặc do người nộp thuế đăng ký với cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc, theo dõi hạch toán đầy đủ thuế giá trị gia tăng đầu ra, đầu vào thì đơn vị phụ thuộc thực hiện khai thuế giá trị gia tăng, nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế giá trị gia tăng cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị phụ thuộc. **(Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC)**”

- ❖ Người nộp thuế có hoạt động chuyên nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyên nhượng (bao gồm cả trường hợp có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ) tại địa bàn khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính thì người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng và nộp thuế GTGT cho cơ quan thuế nơi có hoạt động chuyên nhượng bất động sản (trừ hoạt động kinh doanh bất động sản vàng lai theo quy định tại Điểm b Khoản 1, Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC. **(Điểm b Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)**).
- ❖ Người nộp thuế thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có hoạt động chuyên nhượng bất động sản tại địa bàn khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính (trừ hoạt động chuyên nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyên nhượng theo quy định tại **điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP**) thì người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng và nộp thuế giá trị gia tăng với cơ quan thuế tại tỉnh nơi có bất động sản chuyên nhượng theo mẫu số 05/GTGT; nộp tiền thuế đã kê khai vào ngân sách nhà nước tại tỉnh nơi có bất động sản chuyên nhượng.
- ❖ Người nộp thuế thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đang hoạt động có dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng tại địa bàn khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính thì phải lập hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng riêng cho từng dự án đầu tư và nộp hồ sơ khai thuế cho Cục Thuế nơi có dự án đầu tư.
- **Người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế GTGT trong các trường hợp sau đây:**
 - ❖ Người nộp thuế chỉ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT quy định tại Luật thuế GTGT.
 - ❖ Doanh nghiệp chế xuất chỉ có hoạt động xuất khẩu thì không phải nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng.
 - ❖ Người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh.

- ❖ Người nộp thuế nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng, tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của khoản 4 Điều 44 Luật Quản lý thuế.

(Điểm a, c, d, đ Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP).

1.5. Nguyên tắc kế toán thuế GTGT.

1.5.1. Nguyên tắc kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào

- **Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ, có 2 tài khoản cấp 2:**

- Tài khoản 1331 - Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Tài khoản 1332 - Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định: Phản ánh thuế GTGT đầu vào của quá trình đầu tư, mua sắm tài sản cố định, bất động sản đầu tư dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế.

- ❖ **Phương pháp kế toán một số giao dịch chủ yếu**

- **Khi mua hàng tồn kho, TSCĐ, BĐSĐT, nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:**

- - Nợ các TK 152, 153, 156, 211, 213, 217, 611 (giá chưa có thuế GTGT)
- - Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331,1332)
- - Có TK 111, 112, 331,... (Tổng giá thanh toán)

- **Khi mua vật tư, hàng hóa, công cụ , dịch vụ dùng ngay vào sản xuất, kinh doanh, nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:**

- - Nợ các TK, 621, 623, 627, 641, 642, 241, 242,... (giá chưa có thuế GTGT)
- - Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
- - Có TK 111, 112, 331,... (Tổng giá thanh toán)

- **Khi mua hàng hóa giao ngay cho khách hàng (không qua nhập kho), nếu thuế GTGT được khấu trừ, ghi:**

- Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán (giá mua chưa thuế GTGT)
- Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

- Có TK 111, 112, 331,... (Tổng giá thanh toán)
- **Khi nhập khẩu vật tư, hàng hóa, TSCĐ, kế toán phản ánh giá trị vật tư, hàng hoá, TSCĐ nhập khẩu bao gồm tổng số tiền phải thanh toán cho người bán (theo tỷ giá giao dịch thực tế), thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường phải nộp (nếu có), chi phí vận chuyển, ghi:**
 - Nợ TK 152, 153, 156, 211
 - Có TK 331 - Phải trả cho người bán
 - Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312) (nếu thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu không được khấu trừ)
 - Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt.
 - Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu)
 - Có TK 33381 - Thuế Bảo vệ môi trường
 - Có các TK 111, 112, ...
- **Nếu thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu được khấu trừ, ghi:**
 - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331, 1332)
 - Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33312).
- **Trường hợp hàng đã mua và đã trả lại hoặc hàng đã mua được giảm giá do kém, mất phẩm chất: Căn cứ vào chứng từ xuất hàng trả lại cho bên bán và các chứng từ liên quan, kế toán phản ánh giá trị hàng đã mua và đã trả lại người bán hoặc hàng đã mua được giảm giá, thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, ghi:**
 - Nợ các TK 111, 112, 331 (tổng giá thanh toán)
 - Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (thuế GTGT đầu vào của hàng mua trả lại hoặc được giảm giá)
 - Có các TK 152, 153, 156, 211,...(giá mua chưa có thuế GTGT)
- **Trường hợp không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào được khấu trừ: Khi mua hàng hóa, vật tư, TSCĐ, ghi:**
 - Nợ các TK 152, 153, 156, 211, 213 (giá mua chưa thuế GTGT)
 - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (Thuế GTGT đầu vào)
 - Có các TK 111, 112, 331, ...

- **Cuối kỳ, kế toán tính và xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, không được khấu trừ theo quy định của pháp luật về thuế GTGT. Đối với số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ, ghi:**
 - Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán
 - Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
- **Vật tư, hàng hóa, TSCĐ mua vào bị tổn thất do thiên tai, hoả hoạn, bị mất, xác định do trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân phải bồi thường, nếu thuế GTGT đầu vào của số hàng hóa này không được khấu trừ: Trường hợp thuế GTGT của vật tư, hàng hoá, TSCĐ mua vào bị tổn thất chưa xác định được nguyên nhân chờ xử lý, ghi:**
 - Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381)
 - Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331, 1332)
- **Trường hợp thuế GTGT của vật tư, hàng hoá, TSCĐ mua vào bị tổn thất khi có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền về số thu bồi thường của các tổ chức, cá nhân, ghi:**
 - Nợ các TK 111, 334,...(số thu bồi thường)
 - Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán (nếu được tính vào chi phí)
 - Có TK 138 – Phải thu khác (1381)
 - Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (nếu xác định được nguyên nhân và có quyết định xử lý ngay)
- **Cuối tháng, kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào số thuế GTGT đầu ra khi xác định số thuế GTGT phải nộp trong kỳ, ghi:**
 - Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311)
 - Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ
- **Khi được hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ, ghi:**
 - Nợ các TK 111, 112,...
 - Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

1.5.2. Nguyên tắc kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra

- **Tài khoản 3331 có hai tài khoản cấp 2, gồm:**

- Tài khoản 33311 - Thuế GTGT đầu ra: Đây là tài khoản dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, số thuế GTGT đối với hàng hóa đã bán và bị trả lại hoặc do giảm giá, số thuế GTGT đã nộp, phải nộp và còn phải nộp của hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

- Tài khoản 33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu: Đây là tài khoản sử dụng để phản ánh số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

✚ Phương pháp kế toán một số giao dịch chủ yếu

❖ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ

• Khi thu tiền khách hàng trả trước, ghi:

- Nợ TK 111, 112 - Tổng số tiền thu của khách hàng cho hoạt động cho thuê tài sản nhiều kỳ

- Có TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện (Tính theo giá thuê chưa có thuế GTGT).

- Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

• Cuối kỳ kế toán tính và kết chuyển doanh thu phát sinh từ hoạt động cho thuê tài sản, ghi:

- Nợ TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện

- Có TK 5113 - Doanh thu của hoạt động cho thuê tài sản đối với tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình

- Có TK 5117 - Doanh thu của hoạt động cho thuê tài sản đối với bất động sản đầu tư. Chuyển sang kỳ kế toán sau, kế toán tính và kết chuyển doanh thu hoạt động cho thuê tài sản

- Nợ TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện

- Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 5113 hoặc TK 5117).

• Trường hợp hợp đồng cho thuê tài sản không được thực hiện và doanh nghiệp phải hoàn tiền cho khách hàng, kế toán ghi:

- Nợ TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện (Tính theo giá chưa thuế GTGT).

- Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp.

- Có TK 111, 112,... Tổng số tiền trả lại.

❖ **Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp**

- **Khi nhận tiền khách hàng trả trước, kế toán ghi:**
 - Nợ TK 111, 112, ... - Tổng số tiền khách trả
 - Có TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện
- **Cuối kỳ, kế toán tính và kết chuyển doanh thu kỳ kế toán:**
 - Nợ TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện
 - Có TK 511 - Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (TK 5113 hoặc TL 5117).
- **Cuối mỗi kỳ kế toán, kế toán tính và phản ánh số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp:**
 - Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (TK 5113 hoặc TL 5117).
 - Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp.
- **Sang kỳ kế toán tiếp theo, kế toán tính và kết chuyển doanh thu kinh doanh của kỳ kế toán sau:**
 - Nợ TK 3387
 - Có TK 511
- **Trường hợp hợp đồng cho thuê tài sản không được thực hiện và doanh nghiệp phải hoàn tiền cho khách hàng, kế toán ghi:**
 - Nợ TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện (Tính theo giá chưa thuế GTGT).
 - Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp.
 - Có TK 111, 112,... Tổng số tiền trả lại.

1.6. Các quy định về pháp luật có liên quan đến kế toán thuế giá trị gia tăng.

- **Các văn bản về luật thuế GTGT**
 - Luật Thuế giá trị gia tăng, số 13/2008/QH12
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, số 31/2013/QH13
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế, số 71/2014/QH13

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế, số 106/2016/QH13

- **Nghị Định**

- Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng

- Nghị định 91/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế

- Nghị định 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế

- Nghị định 100/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế

- Nghị định 10/2017/NĐ-CP ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng

- Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 12/2015/NĐ-CP

- Nghị định 100/2020/NĐ-CP về việc kinh doanh hàng miễn thuế

- Nghị định 49/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2013/NĐ CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP, Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 146/2017/NĐ-CP

- **Thông Tư**

- Thông tư 45/2009/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở sản xuất thủy điện

- Thông tư 55/2010/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Đài Truyền hình Việt Nam và các Đài Truyền hình, Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh, thành phố

- Thông tư 35/2011/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ viễn thông

- Thông tư 128/2011/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở y tế công lập
- Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng
 - Thông tư 119/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 156/2013/TT-BTC, Thông tư 111/2013/TT-BTC, Thông tư 219/2013/TT-BTC, Thông tư 08/2013/TT-BTC, Thông tư 85/2011/TT-BTC, Thông tư 39/2014/TT-BTC và Thông tư 78/2014/TT-BTC để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế
 - Thông tư 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 91/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại các nghị định quy định về thuế
 - Thông tư 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ
 - Thông tư 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; Hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế
 - Thông tư 193/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng
 - Thông tư 21/2016/TT-BTC hướng dẫn về khai thuế giá trị gia tăng và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 111/2015/NĐ-CP trợ
 - Thông tư 130/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 100/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật

Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế

- Thông tư 173/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khổ thứ nhất khoản 3 Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC, Thông tư 26/2015/TT-BTC)

- Thông tư 93/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 12 Thông tư 219/2013/TT-BTC (đã sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 119/2014/TT-BTC) và bãi bỏ khoản 7 Điều 11 Thông tư 156/2013/TT-BTC

- Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 38/2015/TT-BTC về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

- Thông tư 82/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ nội dung ví dụ 37 quy định tại điểm a.4 khoản 10 Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng

- Thông tư 40/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

- Thông tư 43/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 10 Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 26/2015/TT-BTC)

- Thông tư 100/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

- Thông tư 13/2023/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 49/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP, Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung Thông tư 80/2021/TT-BTC.

CHƯƠNG 2:
GIỚI THIỆU HỆ THỐNG KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA
TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ LÂM

2.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH dịch vụ vận tải Hà Lâm.

2.1.1. Thông tin về công ty

Logo	
Tên tiếng anh	HA LAM TRANSPORTATION COMPANY
Tên tiếng việt	Công ty TNHH dịch vụ vận tải Hà Lâm
Mã số thuế	0311938007
Địa chỉ	27 Đường TA10, KP3, P. Thới An, Q. 12, TP.HCM, Việt Nam
Người đại diện	Hồ Ngọc Lâm
Điện thoại	0909909569
Ngày hoạt động	13/12/2012
Email	Vinataxco@gmail.com
Website	Vantaihalam.com
Loại hình doanh nghiệp	Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài NN
Ngành nghề kinh doanh	+ Vận chuyển hàng lẻ, hàng ghép + Vận chuyển hàng nguyên chuyến + Vận chuyển hàng quá tải, quá khổ



Vận Chuyển An Toàn

Hà Lâm với kinh nghiệm 10 năm trong ngành vận tải, luôn đảm bảo hàng hóa vận chuyển an toàn.



Giao Hàng Nhanh Chóng

Chúng tôi luôn nỗ lực đầu tư cơ sở vật chất và đội ngũ đảm bảo vận chuyển đúng hẹn cho khách hàng.



Đội Ngũ Chuyên Nghiệp

Với đội ngũ trẻ, nhiệt huyết và nhiều năm kinh nghiệm luôn tận tình phục vụ quý khách hàng.



Vận Chuyển Tiết Kiệm

Vận Tải Hà Lâm luôn đưa ra mức giá hợp lý và mức ưu đãi cực tốt cho khách hàng thân thiết.

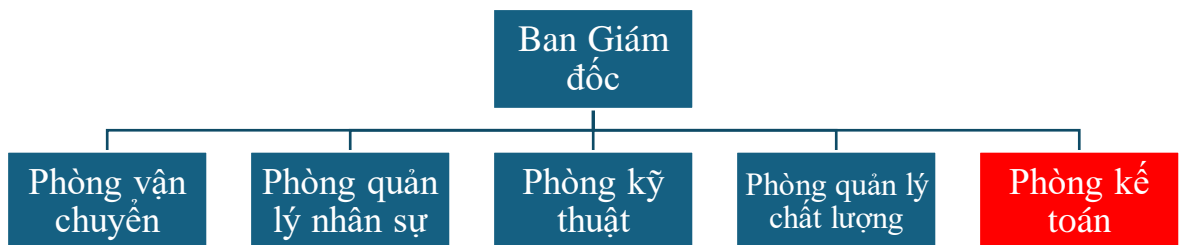
Công Ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hà Lâm chuyên lĩnh vực vận chuyển hàng hóa uy tín, tận tâm tại 63 tỉnh thành. Vận Tải Hà Lâm chuyên vận chuyển hàng hóa từ Bắc vào Nam và các tỉnh nhỏ lẻ, với đội ngũ lái xe có nhiều năm kinh nghiệm chạy xuyên suốt trên các tuyến đường trên lãnh thổ Việt Nam.

Hiện tại, vận tải Hà Lâm có nhiều dịch vụ trong ngành vận tải để phục vụ khách hàng, Trong đó, dịch vụ vận chuyển hàng hóa được ưu tiên và chú trọng nhất với mục tiêu đáp ứng nhanh nhất những yêu cầu về vận chuyển hàng hóa. Vận Tải Hà Lâm luôn lấy uy tín và trách nhiệm là hàng đầu. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất đầy đủ và đào tạo nhân viên ngày một chuyên nghiệp đảm bảo phục vụ tốt nhất cho khách hàng. Nếu quý khách có nhu cầu vận chuyển hàng hóa đến bất kỳ nơi nào, chúng tôi đều có khả năng đáp ứng.



Hình 2.1: Trang website của công ty

2.1.2. Sơ đồ tổ chức công ty.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức của công ty

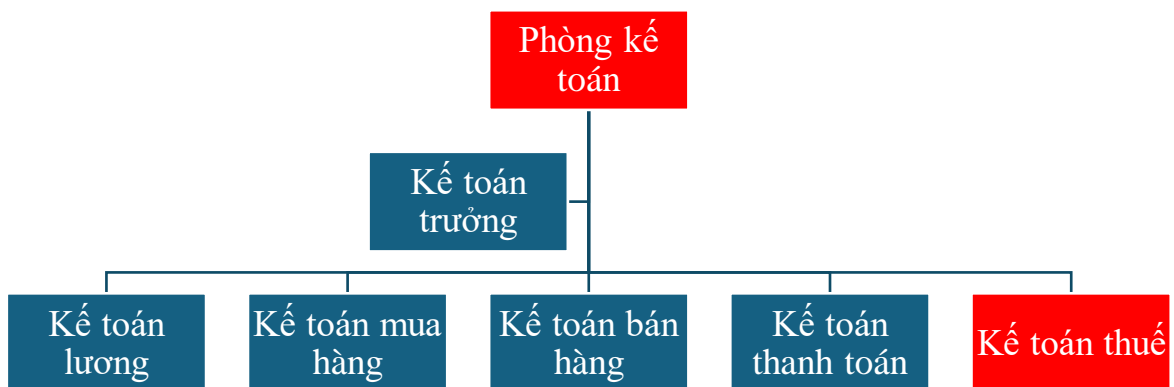
❖ Chức năng và nhiệm vụ từng bộ phận

- Ban Giám đốc: Đứng đầu công ty và có trách nhiệm quản lý toàn bộ hoạt động và quyết định chiến lược của công ty.

- Phòng Vận chuyên: Quản lý và điều phối hoạt động vận chuyển hàng hóa, bao gồm vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường thủy.
- Phòng Quản lý nhân sự: Chịu trách nhiệm về tuyển dụng, đào tạo, chính sách nhân sự và quản lý nhân viên trong công ty.
- Phòng Kỹ thuật: Đảm nhận nhiệm vụ về thiết kế, nghiên cứu phát triển công nghệ và quản lý kỹ thuật trong công ty vận tải.
- Phòng Quản lý chất lượng: Đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ của công ty vận tải đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu quy định.
- Phòng Kế toán: Đảm nhận nhiệm vụ kế toán, tài chính, kiểm toán và quản lý tài sản của công ty.

2.2. Tổ chức hệ thống kế toán.

2.2.1. Sơ đồ tổ chức phòng kế toán.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức phòng kế toán

2.2.2. Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh tại phòng kế toán.

Kế toán trưởng: Chỉ đạo và quản lý các công việc của phòng kế toán tại công ty, lập các báo cáo tài chính theo đúng thời hạn quy định. Kế toán trưởng là người có trách nhiệm bao quát toàn bộ tình hình, kiểm soát quá trình thu chi tiền của công ty, thông báo cụ thể cho ban giám đốc về mọi hoạt động tài chính của công ty.

Kế toán lương: Chấm công hằng ngày và theo dõi cán bộ công nhân viên. Tính lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên. Hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

Kế toán mua hàng: Vị trí này chịu trách nhiệm ghi nhận và xử lý các giao dịch liên quan đến cung cấp dịch vụ vận chuyển công ty. Công việc có thể bao gồm lập hóa đơn, ghi nhận doanh thu dịch vụ, xử lý các đơn đặt hàng, quản lý các hợp đồng với khách hàng, và theo dõi công nợ khách hàng.

Kế toán mua hàng: Theo dõi, ghi chép và phản ứng kịp thời, chính xác chỉ tiêu mua hàng về số lượng, chủng loại, qui cách, thời điểm ghi nhận mua hàng. Ghi nhận các chi phí đầu vào liên quan đến quá trình mua hàng và theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp.

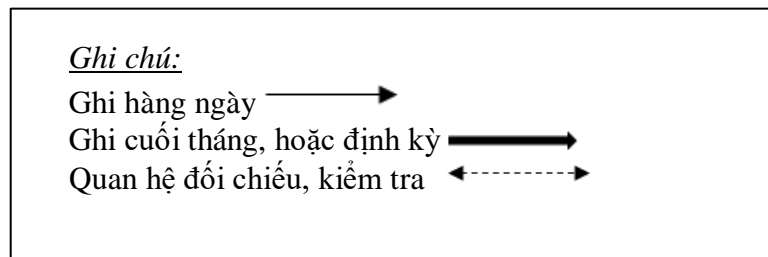
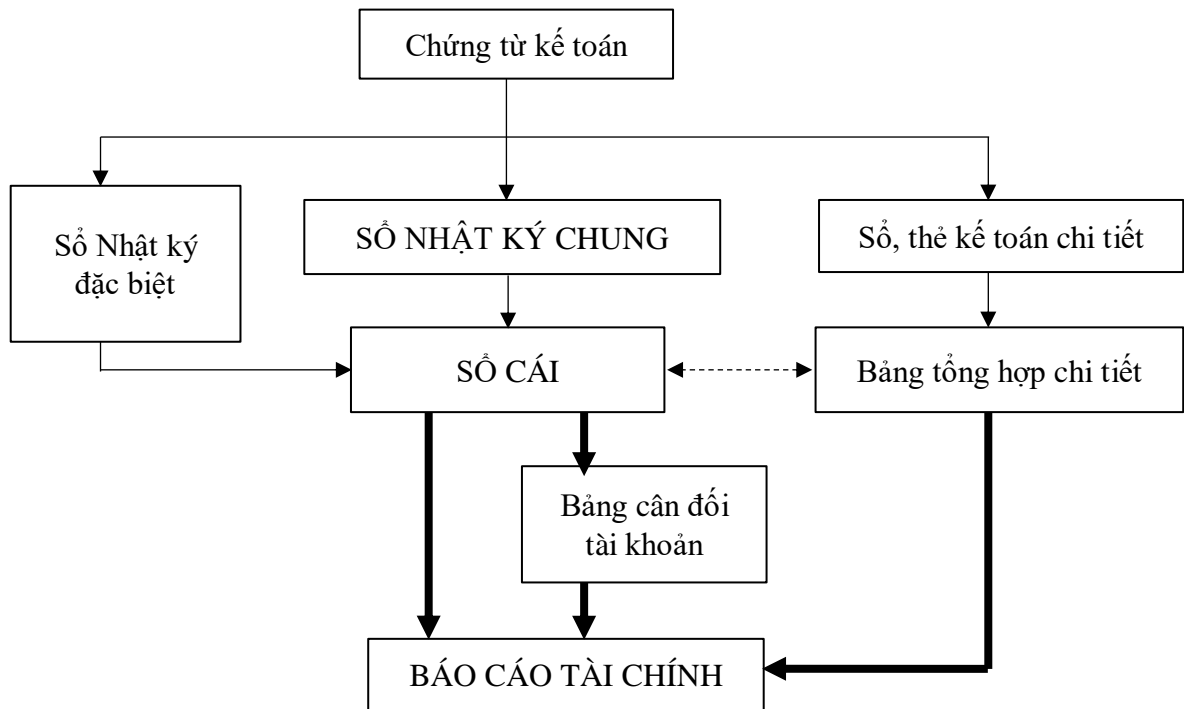
Kế toán thanh toán: Theo dõi chặt chẽ, lên kế hoạch công nợ phải trả và lên kế hoạch thanh toán kịp thời đúng thời hạn, phiếu chi theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình thu chi và tồn quỹ, chịu trách nhiệm về tình hình luân chuyển dòng tiền, tiền gửi ngân hàng đối chiếu với NCC trong nội bộ công ty. Trao đổi trực tiếp với ngân hàng về tình hình tín dụng để giảm thiểu rủi ro cho công ty.

Kế toán thuế: “Lập tờ khai thuế môn bài vào nộp thuế môn bài cho cơ quan thuế. Hàng ngày tập hợp hóa đơn, chứng từ phát sinh để theo dõi. Cuối tháng lập báo cáo thuế GTGT, thuế TNCN và nộp tiền thuế cho cơ quan thuế (nếu có). Hàng quý làm báo cáo thuế tháng của quý đó và báo cáo quý cho thuế GTGT, thuế TNCN, thuế TNDN và báo cáo sử dụng hóa đơn. Cuối năm lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế cho tháng cuối năm.”

2.2.3. Đặc điểm và chính sách về tổ chức công tác kế toán của công ty.

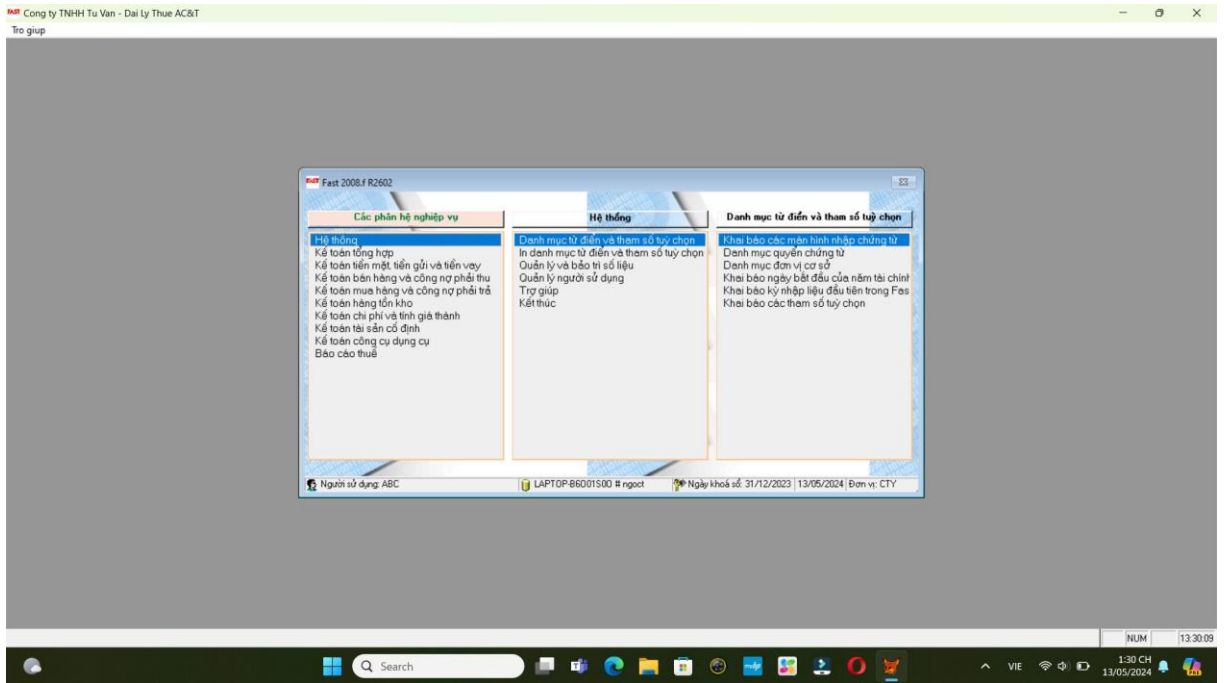
- ❖ Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông Tư 200/2014/TT-BTC
- ❖ Niên độ kế toán: Chu kỳ kế toán 12 tháng (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12)
- ❖ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng
- ❖ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.
- ❖ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- ❖ Phương pháp khấu hao TSCĐ : Phương pháp đường thẳng

- ❖ Lĩnh vực kinh doanh: dịch vụ vận tải.
- ❖ Hình thức kế toán: Nhật ký chung.



Sơ đồ 2.3: Chứng từ theo hình thức nhật ký chung

- ❖ Xử lý dữ liệu kế toán: Phần mềm Fast accounting online (FAO), kết hợp sử dụng excel.



Hình 2.2: Giao diện phần mềm Fast Accounting Online

2.3. Thực tế công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Hà Lâm.

2.3.1. Công việc của kế toán thuế tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Hà Lâm.

❖ Công việc hàng ngày

- Thu thập hóa đơn đầu ra đầu vào
- Theo dõi, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hóa đơn để tránh sai lệch thông tin
- Nộp thuế phát sinh
- Tập hợp đầy đủ các hóa đơn, chứng từ có liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh. Sắp xếp các hóa đơn chứng từ; lưu trữ, bảo quản cẩn thận và theo logic.
- Cập nhật các Thông tư, Nghị định và các Văn bản pháp luật mới nhất về Thuế.

❖ Công việc hàng tháng

- Lập tờ khai thuế VAT với những doanh nghiệp có doanh thu từ 50 tỷ đồng và thực hiện kê khai thuế VAT theo tháng
- Lập báo cáo về tình trạng sử dụng hóa đơn hàng tháng với những doanh nghiệp mới thành lập dưới 1 năm
- Bút toán phân bổ công cụ, trích hao tài sản cố định
- Cân đối chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán, đưa ra phương án xử lý để tránh tình trạng dồn việc cuối năm

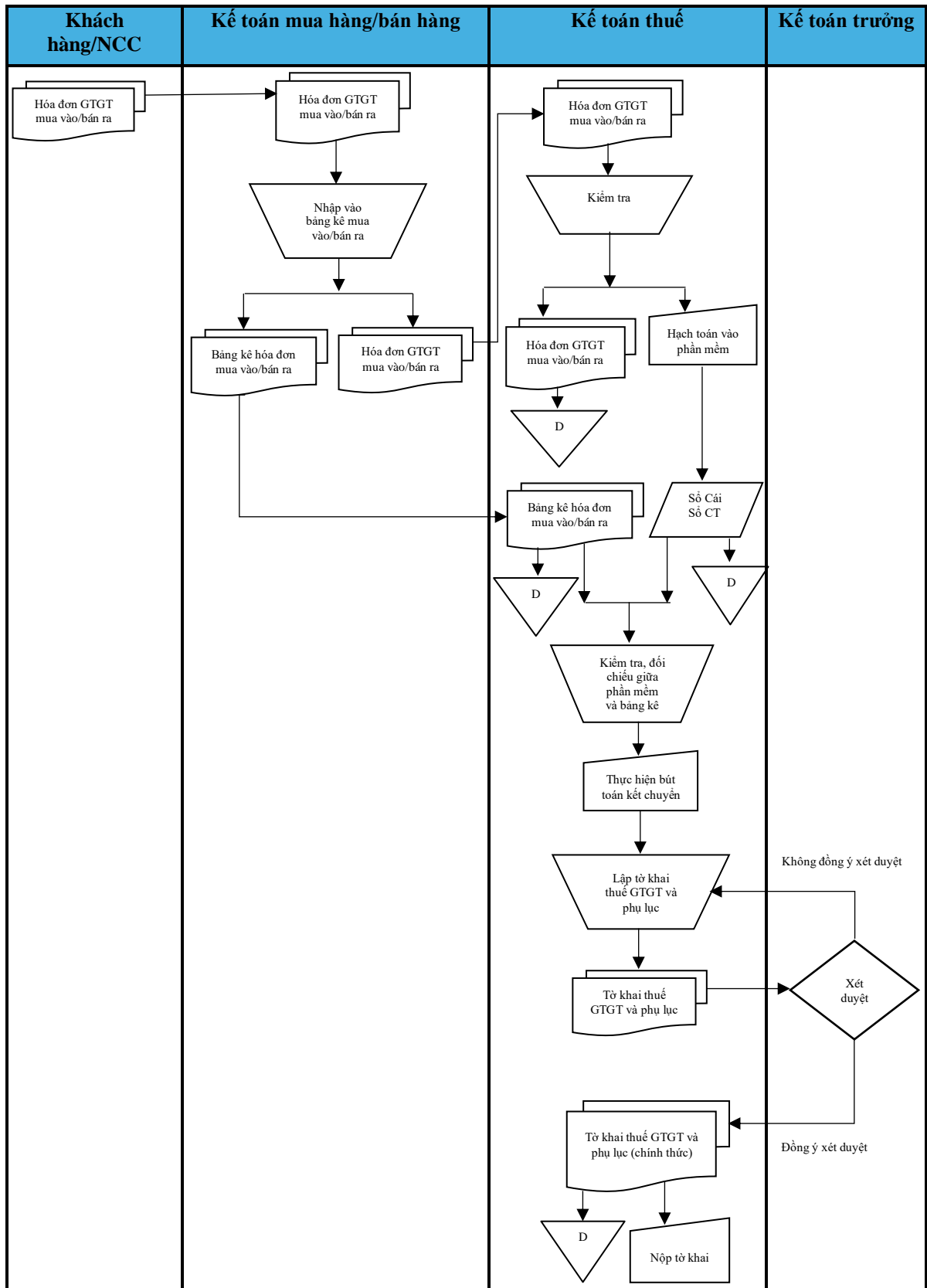
❖ Công việc hàng quý

- Khai thuế giá trị gia tăng
- Khai thuế thu nhập cá nhân
- Lập báo cáo về tình trạng sử dụng hóa đơn

❖ Công việc hàng năm

- Hoàn thành BCTC năm, báo cáo thuế quý IV.
- Lập báo cáo quyết toán thuế thu nhập cá nhân và doanh nghiệp của năm.
- Chuẩn bị sổ sách phục vụ cho đợt quyết toán thuế, thanh tra của kiểm soát viên.

2.3.2. Quy trình kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Hà Lâm.



Lưu đồ 2.1: Quy trình kế toán thuế GTGT tại công ty

Quy trình kế toán thuế GTGT như sau:

Bước 1: Kế toán mua hàng/bán hàng nhận hóa đơn GTGT mua vào/bán ra từ khách hàng/NCC.

Bước 2: Kế toán mua hàng/bán hàng nhập hóa đơn GTGT vào bảng kê mua vào/bán ra.

Bước 3: Kế toán thuế nhận hóa đơn GTGT từ kế toán khác, tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hóa đơn và sau đó hạch toán vào phần mềm FAO.

Bước 4: Cuối kỳ, kế toán thuế kết xuất SC tài khoản 133 và 3331 từ phần mềm FAO và tiến hành đối chiếu với bảng kê mua vào/bán ra nhận từ kế toán mua hàng/bán hàng.

Bước 5: Khi số liệu trùng khớp, kế toán thuế thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT cuối kỳ.

Bước 6: Kế toán thuế lập tờ khai thuế GTGT và phụ lục trên phần mềm HTKK, sau đó gửi qua cho kế toán trưởng xem xét, ký duyệt.

- Trường hợp kế toán trưởng không đồng ý xét duyệt, kế toán thuế kiểm tra lại sai sót, giải trình và điều chỉnh các khoản chưa hợp lý.

Bước 7: Kế toán thuế có nhiệm vụ nộp tờ khai thuế GTGT đã được đồng ý xét duyệt qua website <https://thuedientu.gdt.gov.vn/>.

Bước 8: Kế toán thuế lưu các hóa đơn, bảng kê, chứng từ, tờ khai,... theo ngày trên ổ đĩa của máy tính công ty.

2.3.3. Minh họa các nghiệp vụ phát sinh

Để người đọc có thể hình dung rõ nét hơn về quy trình thực hiện, em sẽ đưa ra minh họa nghiệp vụ phát sinh trong quý I năm 2024 tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Hà Lâm và sẽ tiến hành theo các bước mà em đã nêu ở trên.

Bước 1: Kế toán mua hàng/bán hàng nhận hóa đơn GTGT mua vào/bán ra từ khách hàng/NCC.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TTT

Số (No.): 3

Ngày (Date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI TRÍ TƯ**

Mã số thuế (Tax code): 0311646533

Địa chỉ (Address): 87/5 Trịnh Đình Thảo, Phường Hoà Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: vantaitritu.2013@gmail.com

Tài khoản (A/C number): 0981 000 877 008 tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình



Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẠN TÀI HÀ LÂM**

Mã số thuế (Tax code): 0311938007

Địa chỉ (Address): 27 đường TA 10, KP3, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): **Tiền mặt**

Số tài khoản (A/C No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Phí thuê xe 51C_59554	Xe	1	18.000.000	18.000.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					18.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	1.440.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					19.440.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 00ED905849B37E4260BF9CB019124B9AC9

Trang tra cứu : <http://0311646533hd.easyinvoice.com.vn> Mã tra cứu : R6S3F8x4006597032538100o3PYh


(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Hình 2.3: Hóa đơn GTGT số 3, ký hiệu: 1C24TTT

HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)



Ký hiệu (Serial): 1C24THL
Số (No.): **14**

(Bản thể hiện của hoá đơn điện tử)
Ngày (Date) 05 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ LÂM**
Mã số thuế (Tax code): **0 3 1 1 9 3 8 0 0 7**
Địa chỉ (Address): **27 Đường TA 10, Khu Phố 3, Phường Thới An, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Điện thoại (Tel): **0989 246 579** Email: **info@vantaihalam.com** Website: **www.vantaihalam.com**
Số tài khoản (A/C No.): **147455799 - Ngân Hàng ACB - PGD Lê Văn Khương, Quận 12, TP.HCM**

Họ tên người mua hàng (Customer's name):
Tên đơn vị (Company's name): **Chi nhánh Công ty CP Pizza 4PS – Nhà hàng Pizza 4PS Nha Trang**
Mã số thuế (Tax code): **0313168515-013**
Địa chỉ (Address): **Tầng trệt, số 26-28 đường Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam**
Hình thức thanh toán (Payment method): **Tiền mặt/Chuyển khoản** Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5) 1
1	Cước vận chuyển hàng	chuyến	1	450.000	450.000

Cộng tiền hàng (Total amount): **450.000**

Tiền thuế GTGT (VAT Amount): **36.000**

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): **486.000**


Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng**

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ LÂM**

Ký ngày **05 tháng 01 năm 2024**



Trang (page) 1 / 1
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Mã của cơ quan thuế: **00294C5A5329E64C9D89431D506861DE5E**
(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracu.evnt.vn>, mã tra cứu: **ARLFOOYIXB**, mã công ty: **0311938007**)
(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Wuu Tech Solution - MST: 0312303803 - www.wuu-tech.vn)

Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 14, ký hiệu: 1C24THL

Bước 2: Kế toán mua hàng/bán hàng nhập vào bảng kê mua vào/bán ra

Mẫu số: 01-2/GTGT (Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài Chính)									
BẢNG KẾ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO									
(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT) Kỳ tính thuế: Tháng..... năm / Quý Năm.....									
Người nộp thuế:									
Mã số thuế:									
STT	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm lập hoá đơn	Tên người bán	0	Hàng hóa	Doanh số mua chưa có thuế	Thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế	Ghi chú
[1]	[3]	[2]	[3]	[4]	[5]	[8]	[6]	[7]	[8]
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
81	1K24TAN	33567	05/01/2024	CN XDSG-Cty Xăng Dầu Khu Vực II TNHH MTV	0300555450001	Dầu DO, hd 33567	1.591.304	159.130	1.750.434
82	1K24TAA	8560	06/01/2024	Công Ty TNHH MTV Xăng Dầu Quảng Nam	4001273085	Dầu DO, hd 8560	5.436.516	543.652	5.980.168
83	1K24TXT	4217	06/01/2024	Chi nhánh Xăng Dầu Bình Thuận	3500102573019	Dầu DO, hd 4217	2.727.315	272.731	3.000.046
84	1K24TAA	8783	06/01/2024	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	3300100988	Dầu DO, hd 8783	6.036.404	603.640	6.640.044
85	1K24TAC	8832	06/01/2024	Công ty CP VT và DV Petrolimex Nghệ Tĩnh	2900428497	Dầu DO, hd 8832	2.954.546	295.454	3.250.000
86	1K24TAA	12198	06/01/2024	Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Quảng Ngãi	4300298507	Dầu DO, hd 12198	2.409.141	240.914	2.650.055
87	1C24TTT	3	06/01/2024	Công ty TNHH MTV TM DV Văn Tài Trí Tư	0311648533	Phi thuế xe 51C_59554_hd 3	18.000.000	1.440.000	19.440.000
88	1K24TAC	5672	06/01/2024	Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Bắc Tây Nguyên	5900182337	Dầu DO, hd 5672	2.727.273	272.727	3.000.000
89	1K24TAA	9765	06/01/2024	Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	6000235027	Dầu DO, hd 9765	3.818.273	381.827	4.200.100
90	1K24TAA	8584	06/01/2024	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	3600247325	Dầu DO, hd 8584	4.272.770	427.277	4.700.047

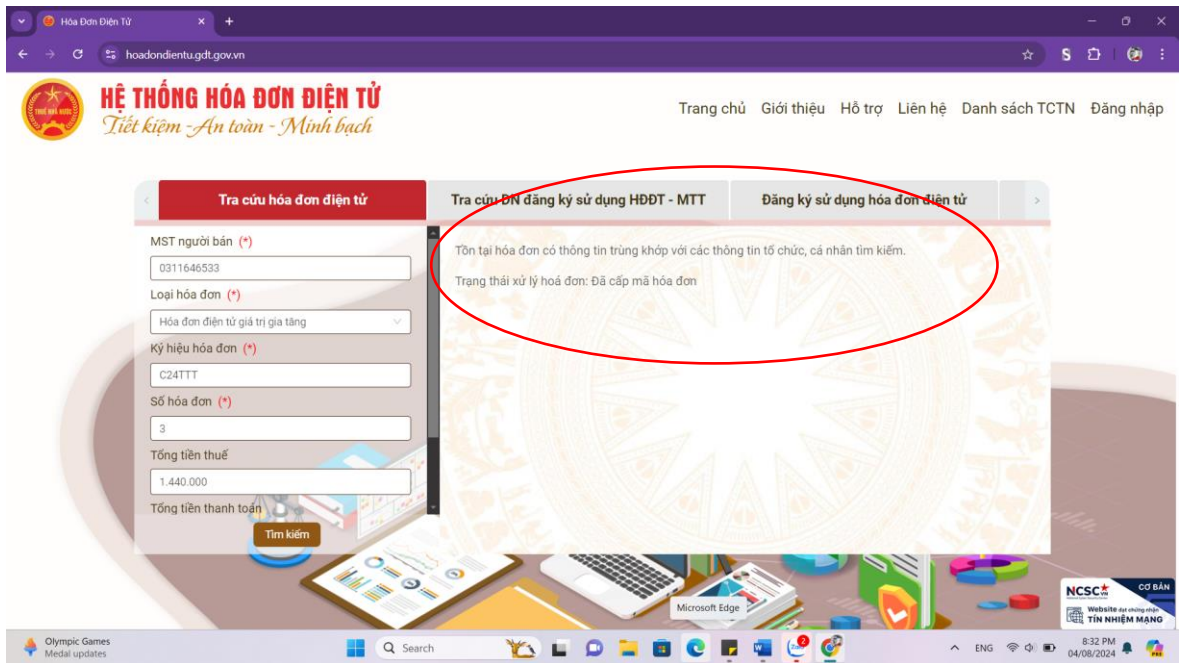
Hình 2.5: Bảng kê mua vào Quý I/2024

Mẫu số: 01-1/GTGT (Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài Chính)									
BẢNG KẾ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA									
(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT) Kỳ tính thuế: Tháng..... năm / Quý Năm.....									
Người nộp thuế:									
Mã số thuế:									
Đơn vị tiền: đồng Việt Nam									
STT	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm lập hoá đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Ghi chú
7	1C24THL	7	04/01/2024	Công ty TNHH Hè STUDIO	0313634597	Cước vận chuyển hàng	11.424.000	913.920	12.337.920
8	1C24THL	8	04/01/2024	Hủy - Thuế đã duyệt TTSS					
9	1C24THL	9	04/01/2024	Công Ty TNHH Xây Dựng Milano	0315565275	Cước vận chuyển hàng từ TP. HCM đi DL2388	6.800.000	544.000	7.344.000
10	1C24THL	10	04/01/2024	Công Ty TNHH Giải Pháp ONEMIND	0317213279	Cước vận chuyển từ TP HCM đi Đà Nẵng	3.000.000	240.000	3.240.000
11	1C24THL	11	05/01/2024	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Lê Nguyễn	0107585873	Cước vận chuyển từ TP.HCM đi Quảng Ngãi	1.651.000	132.080	1.783.080
12	1C24THL	12	05/01/2024	CN Cty CP PIZZA 4PS - NH Pizza 4PS Hoàng Văn Thu	0313168515-009	Cước vận chuyển hàng	900.000	72.000	972.000
13	1C24THL	13	05/01/2024	CN Cty CP PIZZA 4PS-Nhà Hàng PIZZA 4PS HIRAKI BD	0313168515-017	Cước vận chuyển hàng	450.000	36.000	486.000
14	1C24THL	14	05/01/2024	CN Cty CP PIZZA 4PS-Nhà Hàng PIZZA 4PS Nhà Trang	0313168515-013	Cước vận chuyển hàng	450.000	36.000	486.000
15	1C24THL	15	05/01/2024	Công ty TNHH Cơ Khí Công Nghiệp Miền Nam	0305264705	Cước vận chuyển hàng	61.000.000	4.880.000	65.880.000
16	1C24THL	16	06/01/2024	Công ty CP Hàng Tiêu Dùng Hùng Dũng	0302415699	Cước vận chuyển từ TP. HCM đi Hà Nội	4.500.000	360.000	4.860.000
17	1C24THL	17	06/01/2024	Hủy - Thuế đã duyệt TTSS					
18	1C24THL	18	06/01/2024	Công ty TNHH DV Quà Tặng Phương Phương	0108928298	Cước vận chuyển hàng từ Hà Nội đi Đà Nẵng	4.600.000	368.000	4.968.000
19	1C24THL	19	06/01/2024	Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen-CN tỉnh Đồng Nai	3700381324-471	Cước vận chuyển hàng	14.800.000	1.184.000	15.984.000
20	1C24THL	20	08/01/2024	Công ty TNHH Thương mại Rồng Phương Bắc	0305959903	Cước vận chuyển hàng	96.204.800	7.696.384	103.901.184
21	1C24THL	21	08/01/2024	Công ty TNHH SON KOVA NANO Quốc Tế	3901324125	Cước vận chuyển hàng từ Hà Nội đi Tây Ninh	2.000.000	160.000	2.160.000
22	1C24THL	22	08/01/2024	Công ty TNHH Thiết Bị Năng Việt Hàn	0315769014	Cước vận chuyển hàng từ TP. HCM đi Hà Nội	1.150.000	92.000	1.242.000
23	1C24THL	23	08/01/2024	Công ty TNHH Dệt Và Phụ Kéo 5S	1101716955	Cước vận chuyển hàng	76.163.750	6.093.100	82.256.850
24	1C24THL	24	08/01/2024	Công ty TNHH SX CK Công Nghiệp Miền Nam	0314362498	Chi phí vận chuyển đến Cty TNHH KThuật CN	4.500.000	360.000	4.860.000

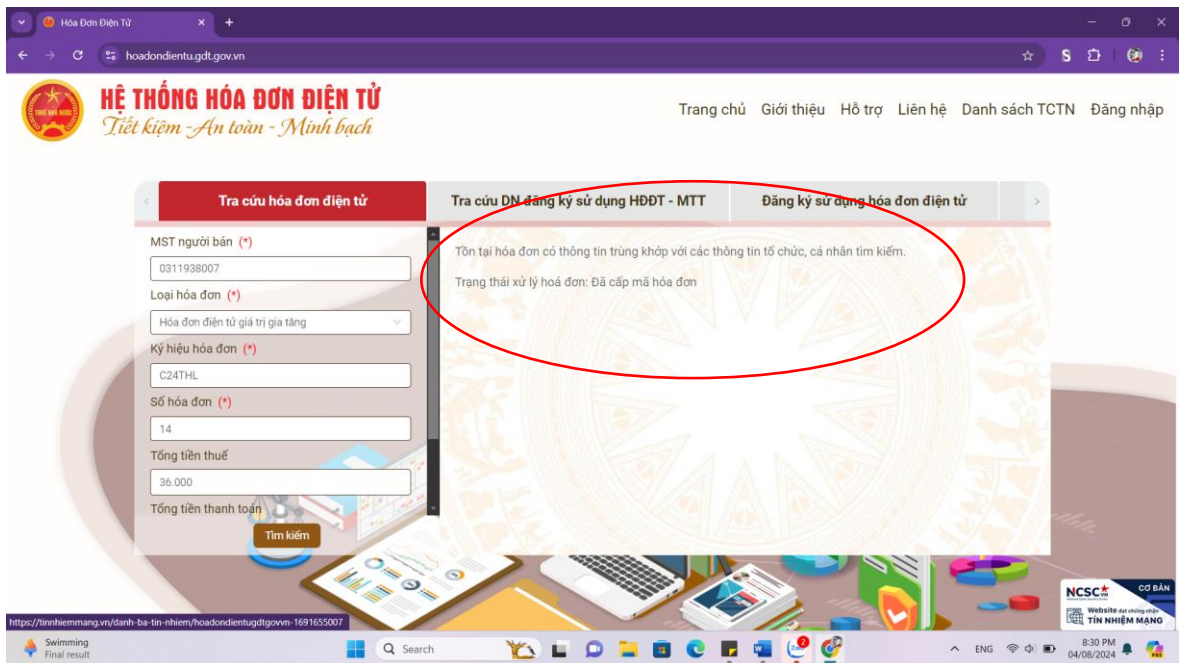
Hình 2.6: Bảng kê bán ra Quý I/2024

Bước 3: Kế toán thuế nhận hóa đơn GTGT từ kế toán khác, tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hóa đơn và sau đó hạch toán vào phần mềm FAO.

- Tiến hành kiểm tra có sử dụng hóa đơn điện tử không.

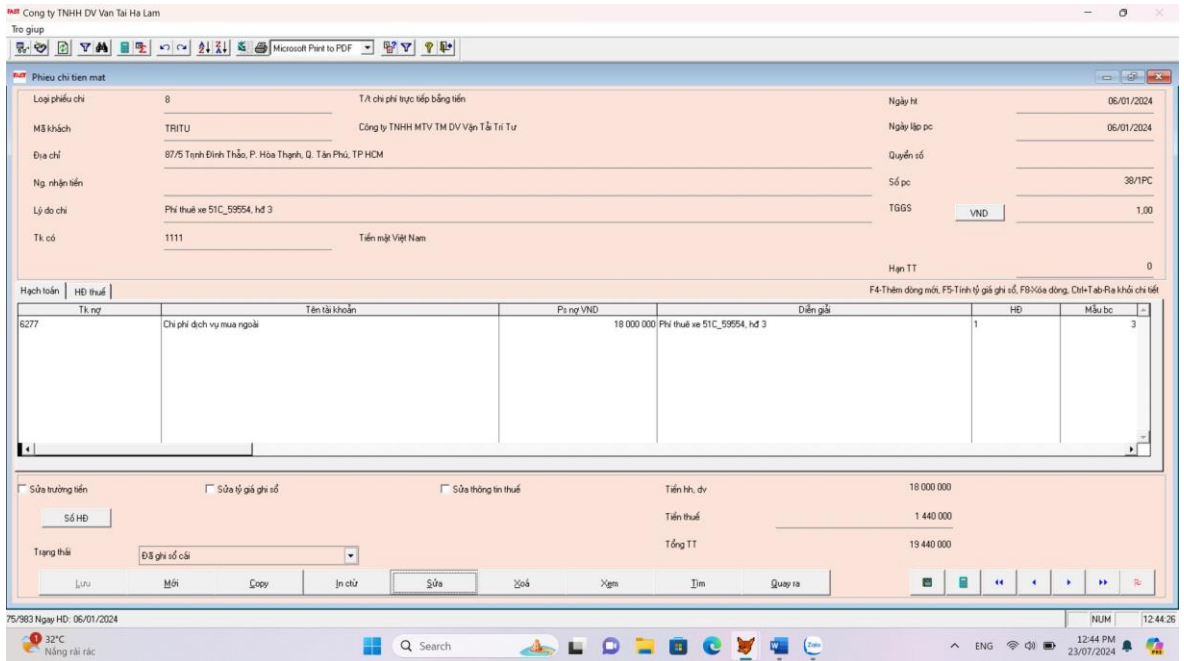


Hình 2.7: Kiểm tra hóa đơn đầu vào số 3

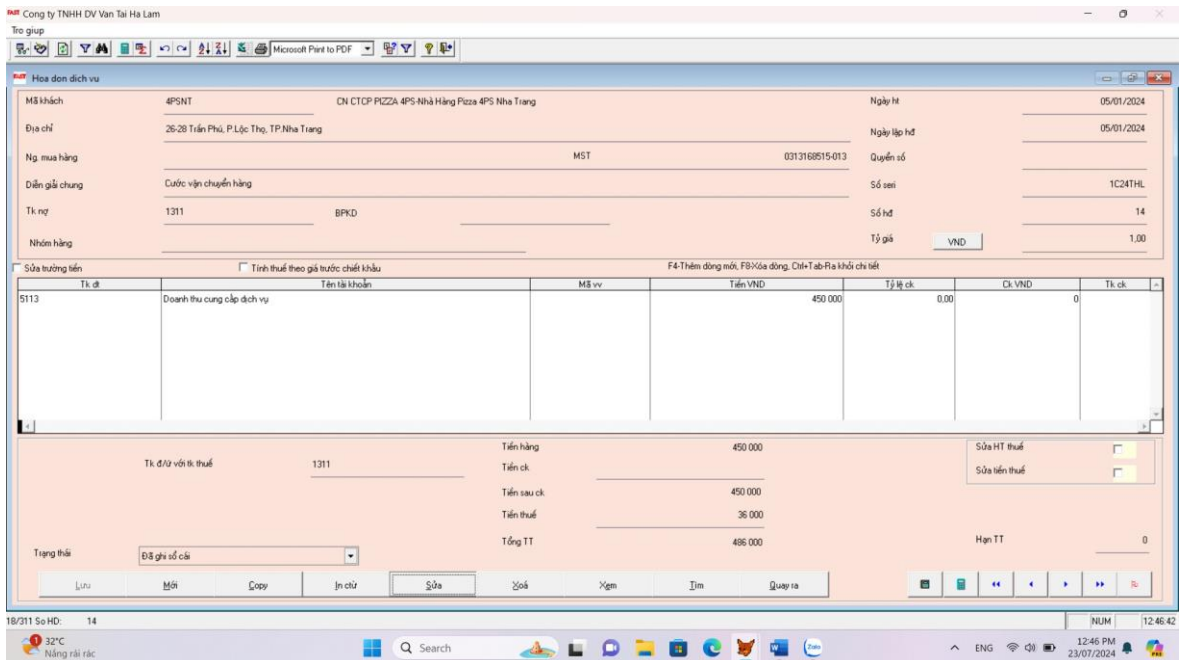


Hình 2.8: Kiểm tra hóa đơn đầu ra số 14

- Hạch toán vào phần mềm FAO



Hình 2.9: *Hạch toán hóa đơn mua vào*



Hình 2.10: *Hạch toán hóa đơn bán ra*

Bước 4: Cuối kỳ, kế toán thuế kết xuất SC tài khoản 133 và 3331 từ phần mềm FAO và tiến hành đối chiếu với bảng kê mua vào/bán ra nhận từ kế toán mua hàng/bán hàng.

- Đối chiếu số liệu giữa bảng kê mua vào và sổ cái tài khoản 133

Mẫu số: 01-2/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG KÊ HOÀ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT)
Kỳ tính thuế: Tháng năm / Quý Năm

Người nộp thuế:

Mã số thuế:

STT	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm lập hoá đơn	Tên người bán	0	Hàng hóa	Doanh số mua chưa có thuế	Thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế	Ghi chú
[1]	[3]	[2]	[3]	[4]	[5]	[8]	[6]	[7]	[8]
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
81	1K24TAN	33587	05/01/2024	CN XDSG-CTy Xăng Dầu Khu Vực II TNHH MTV	0300555460001	Dầu DO, hd 33567	1.591.304	159.130	1.750.434
82	1K24TAA	8560	06/01/2024	Công Ty TNHH MTV Xăng Dầu Quảng Nam	4001273085	Dầu DO, hd 8560	5.436.516	543.652	5.980.168
83	1K24TXT	4217	06/01/2024	Chi nhánh Xăng Dầu Bình Thuận	3500102573019	Dầu DO, hd 4217	2.727.315	272.731	3.000.046
84	1K24TAA	8783	06/01/2024	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	3300100988	Dầu DO, hd 8783	6.036.404	603.640	6.640.044
85	1K24TAC	8832	06/01/2024	Công ty CP-VI và DV Petrolimex Nghệ Tĩnh	2900428497	Dầu DO, hd 8832	2.064.646	206.464	2.271.110
86	1K24TAA	12198	06/01/2024	Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Quảng Ngãi	4300298507	Dầu DO, hd 12198	2.409.141	240.914	2.650.055
87	1C24TTT	3	06/01/2024	Công ty TNHH MTV TM DV Vận Tải Trí Tu	0311646533	Phí thuê xe 51C, 59554, hd 3	18.000.000	1.440.000	19.440.000
88	1K24TAC	5672	06/01/2024	Công Ty TNHH MTV Xăng Dầu Bắc Tây Nguyên	5900182337	Dầu DO, hd 5672	2.727.273	272.727	3.000.000
89	1K24TAA	9765	06/01/2024	Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	6000235027	Dầu DO, hd 9765	3.818.273	381.827	4.200.100
90	1K24TAA	8584	06/01/2024	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	3600247325	Dầu DO, hd 8584	4.272.770	427.277	4.700.047
...
Tổng							3.421.512,916	332.085,425	3.753.598,341

Tổng giá trị HHDV mua vào phục vụ SXKD được khấu trừ thuế GTGT (**):

Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào đủ điều kiện được khấu trừ (**):

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Hình 2.11: Bảng kê hóa đơn mua vào cuối kỳ Q1/2024

Đơn vị: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẠN TÀI HẠ LÂM						Mẫu số S03b-DN		
Địa chỉ: 27 Đường TA, khu phố 03, phường Thới An, Q.12, TP.HCM						(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
SỔ CÁI								
Quý I năm 2024								
Tên tài khoản: Thuế GTGT được khấu trừ								
Số hiệu: 133								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				41,916,412	
			- Số phát sinh trong kỳ					
...
06/01/2024	01/1PC	06/01/2024	Dầu DO, hđ 8832	1111	295,454	
06/01/2024	02/1PC	06/01/2024	Dầu DO, hđ 12198	1111	240,914	
06/01/2024	03/1PC	06/01/2024	Phí thuê xe, hđ 03	1111	1,440,000	
06/01/2024	04/1PC	06/01/2024	Dầu DO, hđ 5672	1111	272,727	
...
31/03/2024	PKT01	31/03/2024	K/C thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024			33311	-	306,010,024
			- Tổng phát sinh trong kỳ				332,085,425	306,010,024
			- Số dư cuối kỳ				67,991,813	
- Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...								
- Ngày mở sổ:...								
Người lập biểu (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Ngày ... tháng ... năm ... Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)		

Hình 2.12: Sổ cái tài khoản 133 Q1/2024

Đối chiếu số liệu giữa bảng kê bán ra và sổ cái tài khoản 333

Mẫu số: 01-1/GTGT (Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2014/TT-BTC, ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính)		BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA							
								(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT) Kỳ tính thuế: Tháng năm / Quý Năm	
Người nộp thuế:									
Mã số thuế:									
Đơn vị tiền: đồng Việt Nam									
STT	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm lập hoá đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Ghi chú
7	1C24THL	7	04/01/2024	Công Ty TNHH Hè STUDIO	0313634597	Cước vận chuyển hàng	11,424,000	913,920	12,337,920
8	1C24THL	8	04/01/2024	Hủy - Thuế đã duyệt TTSS					
9	1C24THL	9	04/01/2024	Công Ty TNHH Xây Dựng Milano	0315565275	Cước vận chuyển hàng từ TP. HCM đi DL2388	6,800,000	544,000	7,344,000
10	1C24THL	10	04/01/2024	Công Ty TNHH Giải Pháp ONEMIND	0317213279	Cước vận chuyển từ TP HCM đi Đà Nẵng	3,000,000	240,000	3,240,000
11	1C24THL	11	05/01/2024	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Lê Nguyễn	0107988873	Cước vận chuyển từ TP HCM đi Quảng Ngãi	1,651,000	132,080	1,783,080
12	1C24THL	12	05/01/2024	CN Cty CP Pizza 4PS - NH Pizza 4PS Hoàng Văn Thu	0313168515-009	Cước vận chuyển hàng	900,000	72,000	972,000
13	1C24THL	13	05/01/2024	CN CTY CP PIZZA 4PS-Nhà Hàng PIZZA 4PS HIRAKI BC	0313168515-017	Cước vận chuyển hàng	450,000	36,000	486,000
14	1C24THL	14	05/01/2024	CN CTCP PIZZA 4PS-Nhà Hàng Pizza 4PS Nhà Trang	0313168515-013	Cước vận chuyển hàng	450,000	36,000	486,000
15	1C24THL	15	05/01/2024	Công Ty TNHH Cơ Khí Công Nghiệp Miền Nam	0305264705	Cước vận chuyển hàng	61,000,000	4,880,000	65,880,000
16	1C24THL	16	06/01/2024	Công Ty CP Hàng Tiêu Dùng Hưng Dũng	0302410699	Cước vận chuyển từ TP. HCM đi Hà Nội	4,500,000	360,000	4,860,000
17	1C24THL	17	06/01/2024	Hủy - Thuế đã duyệt TTSS					
18	1C24THL	18	06/01/2024	Công Ty TNHH DV Quả Tăng Phương Phương	0108928298	Cước vận chuyển hàng từ Hà Nội đi Đà Nẵng	4,600,000	368,000	4,968,000
19	1C24THL	19	06/01/2024	Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen-CN tỉnh Đồng Nai	3700381324-471	Cước vận chuyển hàng	14,800,000	1,184,000	15,984,000
20	1C24THL	20	08/01/2024	Công ty TNHH Thương mại Rừng Phương Bắc	0305953903	Cước vận chuyển hàng	96,204,800	7,696,384	103,901,184
21	1C24THL	21	08/01/2024	Công ty TNHH SƠN KOVA NANO Quốc Tế	3901324125	Cước vận chuyển hàng từ Hà Nội đi Tây Ninh	2,000,000	160,000	2,160,000
22	1C24THL	22	08/01/2024	Công Ty TNHH Thiết Bị Nâng Việt Hàn	0315769014	Cước vận chuyển hàng từ TP. HCM đi Hà Nội	1,150,000	92,000	1,242,000
23	1C24THL	23	08/01/2024	Công Ty TNHH Dệt Và Phụ Keo 5S	1101716955	Cước vận chuyển hàng	76,163,750	6,093,100	82,256,850
24	1C24THL	24	08/01/2024	Công Ty TNHH SX CK Công Nghiệp Miền Nam	0314362498	Chi phí vận chuyển đến Cty TNHH KThuật Công	4,500,000	360,000	4,860,000
...
Tổng							3,825,125,343	306,010,024	4,131,135,367
							Ký trước chuyển	41,916,412	
							Mua vào	332,085,425	
							Dư VAT	(67,991,813)	
Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (*): Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra (**): <div style="text-align: right; font-size: small;"> ngày tháng năm NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ) </div>									

Hình 2.13: Bảng kê hóa đơn bán ra Q1/2024

SỔ CÁI
 Quý I năm 2024
 Tên tài khoản: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
 Số hiệu: 333

Ngày, tháng ghi sổ A	Chứng từ		Diễn giải D	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng H	Số tiền	
	Số hiệu B	Ngày tháng C		Trang số E	STT dòng G		Nợ 1	Có 2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...
04/01/2024	10	04/01/2024	Cước vận chuyển từ TP HCM đi Đà Nẵng	131		240,000
05/01/2024	11	05/01/2024	Cước vận chuyển từ TP.HCM đi Quảng Ngãi	131		132,080
05/01/2024	12	05/01/2024	Cước vận chuyển hàng	131		72,000
05/01/2024	13	05/01/2024	Cước vận chuyển hàng	131		36,000
05/01/2024	14	05/01/2024	Cước vận chuyển hàng	131		36,000
05/01/2024	15	05/01/2024	131		4,880,000
...
31/03/2024	PKT01	31/03/2024	K/C thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024			1331	306,010,024	
			- Tổng phát sinh trong kỳ				306,010,024	306,010,024
			- Số dư cuối kỳ				-	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
 - Ngày mở sổ:...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
 Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.14: Sổ cái tài khoản 333 Q1/2024

Bước 5: Khi số liệu trùng khớp, kế toán thuế thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT cuối kỳ.

Cong ty TNHH DV Van Tai Ha Lam

Tro giup

Phieu ke toan

Ngày ht: 31/03/2024 Ngày lập chử: 31/03/2024

Quyển số: Số chử: 2/3PKT

Đơn giá chung: K/C thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024 Tỷ giá: VND 1,00

Hạch toán | HĐ thuế | F4/F8 Thêm / Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết, Ctrl + c / v qua trang trái/phải

Tk	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	Ph nợ VND	Ph có VND	Đơn giá
33311	Thuế GTGT đầu ra phải nộp			306 010 024	0	0 K/C thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024
13311	Thuế GTGT được khấu trừ của h hóa, d vụ			0	306 010 024	0 K/C thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024

Sửa hưởng tiền

306 010 024 306 010 024

Trạng thái: Đã ghi sổ cũ

Lưu Mới Copy In chử Sửa Xóa Xám In Quay ra

13/17 Dien_giai: K/C thuế GTGT được khấu tru Q1/2024 NUM CAPS 9:42:40

87°F Mostly cloudy 9:42 AM 07/06/2024

Hình 2.15: Bút toán kết chuyển thuế GTGT Q1/2024

➤ Các nghiệp vụ khác kế toán làm tương tự.

2.3.4. Kế toán thuế lập tờ khai GTGT và nộp tờ khai.

Bước 6: Kế toán thuế lập tờ khai thuế GTGT và phụ lục trên phần mềm HTKK, sau đó gửi qua cho kế toán trưởng xem xét, ký duyệt.

[01b] Kỳ tính thuế: Quý 1 năm 2024
 [02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ LÂM
 [05] Mã số thuế: 0311938007
 [06] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [07] Mã số thuế:
 [08] Hợp đồng đại lý thuế: Số _____ ngày _____
 [09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

 [10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh: _____
 [11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

 [11c] Tỉnh/Thành phố: _____
 [11b] Quận/Huyện: _____
 [11a] Phường/xã: _____

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X") [21]	<input type="checkbox"/>	
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22]		41.916.412
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào [23]	3.421.512.916 [24]	332.085.425
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu [23a]	0 [24a]	0
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này [25]		332.085.425
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng [26]	0	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng $([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])$ [27]	3.843.625.343 [28]	306.010.024
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0% [29]	18.500.000	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% [30]	0 [31]	0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10% [32]	3.825.125.343 [33]	306.010.024
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế [32a]	0	
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra $([27]+[28]+[29]+[30]+[32]+[32a])$ [34]	3.843.625.343 [35]	306.010.024
III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ $([36]=[35]-[25])$ [36]		(26.075.401)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm [37]		0
2	Điều chỉnh tăng [38]		0
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ [39a]		0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ $([40a]=([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) \geq 0)$ [40a]		0
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế $([40b] \leq [40a])$ [40b]		0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ $([40]=[40a]-[40b])$ [40]		0
4	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này $([41]=([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) \leq 0)$ [41]		67.991.813
4.1	Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn $([42] \leq [41])$ [42]		0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau $([43]=[41]-[42])$ [43]		67.991.813

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên: _____ Người ký: Hồ Ngọc Lâm
 Chứng chỉ hành nghề số: _____ Ngày ký: 07/06/2024

Hình 2.16 : Tờ khai thuế GTGT Quý I/2024

Hỗ trợ kê khai thuế - Phiên bản 5.1.9

Mẫu tài báo kê

Phụ lục
GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 110/2023/QH15
(Kèm theo Tờ khai thuế GTGT kỳ tính thuế Quý 1 năm 2024)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VĂN TÀI HÀ LÂM
 [02] Mã số thuế: 0311938007
 [03] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [04] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

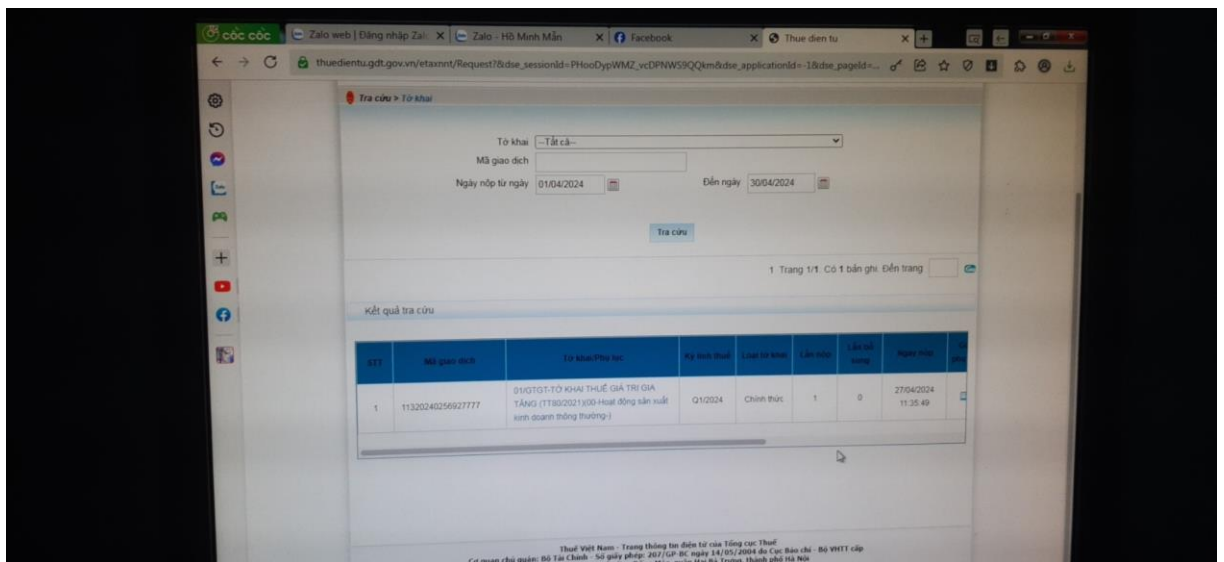
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT	Thuế suất theo quy định	Thuế suất sau giảm	Thuế GTGT được giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)x80%	(6)=(3)x[(4)-(5)]
1	Cước vận chuyển từ Hà Nội đi Đồng Nai	1.800.000	10	8	36.000
2	Cước vận chuyển từ Vĩnh Phúc đi BRVT	4.500.000	10	8	90.000
3	Cước vận chuyển từ Bình Dương đi Bình Định	3.000.000	10	8	60.000
4	Cước vận chuyển hàng	1.450.000	10	8	29.000
5	Cước vận chuyển hàng	2.400.000	10	8	48.000
6	Cước vận chuyển từ kho Long Hương - Thái Bình và	4.800.000	10	8	96.000
7	Cước vận chuyển hàng	11.424.000	10	8	228.480
8	Cước vận chuyển hàng từ TP. HCM đi DL2388 Hưng Y	6.800.000	10	8	136.000
9	Cước vận chuyển từ TP HCM đi Đà Nẵng	3.000.000	10	8	60.000
10	Cước vận chuyển từ TP.HCM đi Quảng Ngãi	1.651.000	10	8	33.020
11	Cước vận chuyển hàng	900.000	10	8	18.000
12	Cước vận chuyển hàng	450.000	10	8	9.000
13	Cước vận chuyển hàng	450.000	10	8	9.000
14	Cước vận chuyển hàng	61.000.000	10	8	1.220.000
15	Cước vận chuyển TP. HCM đi Hà Nội	4.500.000	10	8	90.000
16	Cước vận chuyển hàng từ Hà Nội đi Đà Nẵng	4.600.000	10	8	92.000
17	Cước vận chuyển hàng	16.800.000	10	8	336.000

PL Giám Thuế GTGT 23 24

Hình 2.17 : Phụ lục giảm thuế GTGT Quý I/2024

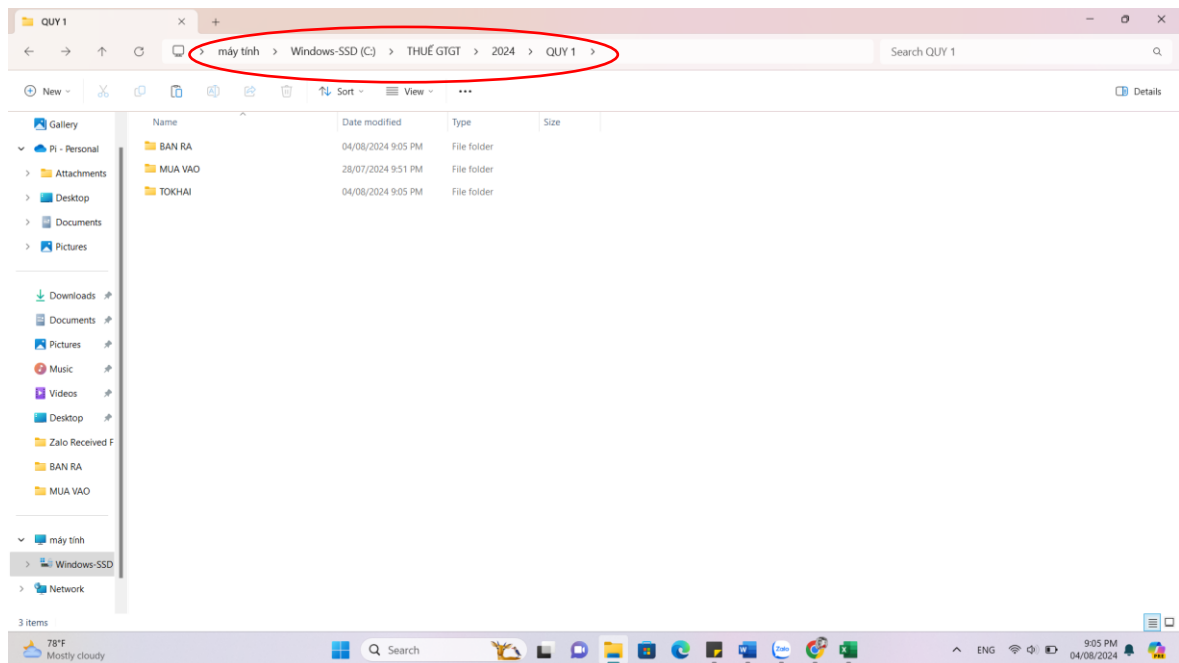
Kế toán trưởng sẽ kiểm tra số liệu trên tờ khai thuế GTGT quý I/2024 và xét duyệt.

Bước 7: Kế toán thuế có nhiệm vụ nộp tờ khai thuế GTGT đã được đồng ý xét duyệt qua website <https://thuedientu.gdt.gov.vn/>.



Hình 2.18 : Tra cứu nộp tờ khai thuế GTGT Quý I/2024

Bước 8: Kế toán thuế lưu các hóa đơn, bảng kê, chứng từ, tờ khai,... theo ngày trên ổ đĩa của máy tính công ty.



Hình 2.19: Lưu trữ hồ sơ kế toán

2.3.5. Kết quả của công việc

- **Chứng từ kế toán áp dụng:**
 - ❖ Hóa đơn GTGT mua vào.
 - ❖ Hóa đơn GTGT bán ra.
- **Liên quan đến bút toán:**
 - ❖ Kế toán nghiệp vụ mua hàng

Ghi nhận chi phí

Nợ TK 621/641/642

Nợ TK 1331

Có TK 111/112/131

- ❖ Kế toán nghiệp vụ bán hàng:

Ghi nhận doanh thu dịch vụ

Nợ TK 1111/1121/131

Có TK 33311

Có TK 5113

- ❖ Kết chuyển thuế GTGT cuối kỳ:

Nợ TK 33311

Có TK 1331

• ***Liên quan đến sổ kế toán***

- ❖ Sổ Nhật ký chung (Mẫu số S03a-DNN) (Phụ lục: 01)
- ❖ Sổ Cái (Mẫu số S03b-DNN)
 - TK 1331 (Phụ lục: 04)
 - TK 33311 (Phụ lục: 05)

• ***Liên quan đến loại báo các kế toán, báo cáo thuế***

- ❖ Bảng kê hóa đơn GTGT đầu vào (Phụ lục 02)
- ❖ Bảng kê hóa đơn GTGT đầu ra (Phụ lục 03)
- ❖ Tờ khai thuế GTGT (mẫu 01/GTGT – TT80/2021).
- ❖ Phụ lục giảm thuế Giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15.

• ***Hình thức của các chứng từ, sổ kế toán của doanh nghiệp có liên quan đến công việc kế toán thuế GTGT:***

- Công ty áp dụng biểu mẫu chứng từ/ sổ sách/ báo cáo theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

• ***Liên quan đến công việc kế toán khác:***

- ❖ Kế toán mua hàng
- ❖ Kế toán bán hàng
- ❖ Kế toán TSCĐ
- ❖ Kế toán trưởng

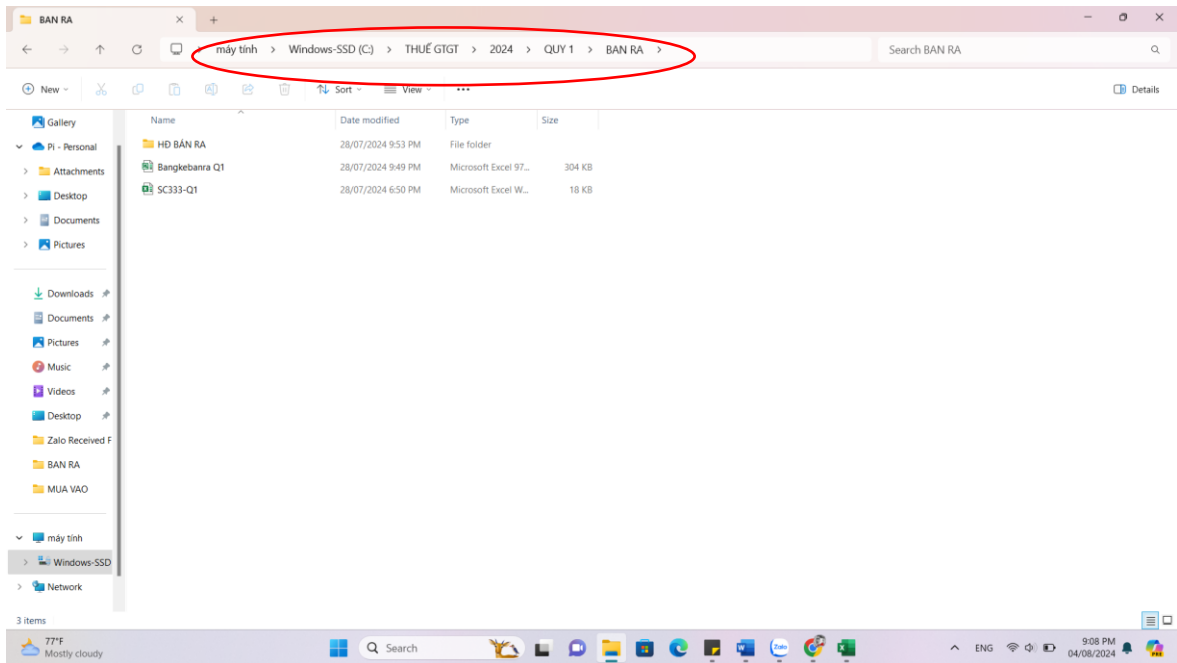
Cách lưu trữ hồ sơ kế toán:

Đối với hóa đơn đầu vào: lưu theo thời gian bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào chung với file hóa đơn mua vào.

Đối với hóa đơn đầu ra: lưu theo thời gian bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra chung với file hóa đơn bán ra.

Ví dụ tạo một folder: THUE GTGT-> 2024 ->QUY 1-> BAN RA (bao gồm folder tổng hợp hóa đơn bán ra trong quý, bảng kê bán ra Q1/2024, sổ cái tài khoản 333)

⇒ Tương tự với folder MUA VAO được lưu trong folder QUY 1



Hình 2.20: Lưu trữ hồ sơ kế toán với Folder bán ra

2.3.6. Kiểm tra kết quả công việc

- Người kiểm tra kết quả công việc: Kế toán trưởng.
- Định kỳ kiểm tra: Hàng tháng, hàng quý, hàng năm,
- Cách thức kiểm tra:
 - Kiểm tra nội dung chứng từ xem các hoạt động kinh tế tài chính ghi trong chứng từ có hợp pháp, đúng sự thật, đúng với thể lệ hiện hành.
 - Kiểm tra việc ghi chép vào các sổ kế toán: Kiểm tra đối chiếu, đúng sự thật, đúng với chứng từ kế toán, rõ ràng rành mạch, hợp lý, hợp lệ, hợp pháp.
 - Kiểm tra các bút toán khấu trừ, kiểm tra số thuế GTGT còn được khấu trừ hay phải nộp đã chính xác hay không?
 - Kiểm tra các hoá đơn GTGT xem có còn thiếu sót hay trùng, trường hợp nếu có, yêu cầu bộ phận kế toán có liên quan bổ sung, xử lý.

2.4. Công việc kế toán khác.

Kế toán mua hàng: Nhận hóa đơn GTGT mua vào từ nhà cung cấp, ghi nhận vào bảng kê mua vào. Cuối kỳ, liên kết số liệu với các kế toán có phần hành liên quan.

Kế toán bán hàng: Làm việc với khách hàng, lập hóa đơn GTGT bán ra, ghi nhận vào bảng kê bán ra. Cuối kỳ, liên kết số liệu với các kế toán có phần hành liên quan.

Kế toán trưởng: Kiểm tra, xét duyệt tờ khai, phụ lục thuế GTGT và yêu cầu chỉnh sửa bổ sung khi cần thiết.

CHƯƠNG 3:

NHẬN XÉT VÀ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ LÂM

3.1. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Hà Lâm.

3.1.1. Sự cần thiết.

Kế toán thuế GTGT mang một ý nghĩa hết sức quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Kế toán thuế giúp:

- ✓ Ghi chép, lập báo cáo tổng hợp các hoạt động liên quan đến thuế GTGT.
- ✓ Tính thuế đầy đủ, đúng thời hạn và lập ra các báo cáo giúp cho doanh nghiệp thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước và pháp luật.
- ✓ Giúp doanh nghiệp hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước tránh việc bị truy thu thuế hay bị xử phạt vì nộp thuế chậm.
- ✓ Đồng thời giúp nhà nước nhanh chóng thu thuế bổ sung cho ngân sách nhà nước kịp thời cho các hoạt động kinh tế xã hội phát triển của đất nước.

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện.

❖ Ưu điểm

- Môi trường làm việc tại công ty rất thân thiện và chuyên nghiệp, các anh chị nhân viên luôn sẵn sàng hỗ trợ và giải đáp thắc mắc.
- Thực tập tại công ty mang lại cho em nhiều kiến thức thực tiễn quý báu và cơ hội được làm việc trong môi trường chuyên nghiệp.
- Thực tập sinh nhận được những phản hồi kịp thời và cụ thể từ người hướng dẫn, giúp chúng em nhận ra điểm mạnh, điểm yếu và những khía cạnh cần cải thiện.
- Hệ thống đánh giá công bằng và minh bạch, giúp sinh viên thấy rõ tiến bộ của mình và những gì cần phải nỗ lực hơn.

❖ Nhược điểm

- Phần mềm tại công ty thỉnh thoảng gây ra tình trạng giật lag, giao diện khó nhìn. Điều này có thể làm giảm hiệu suất làm việc và gây ra sự chậm trễ trong quá trình học hỏi và thực hành.
- Việc sao lưu hồ sơ kế toán trên ổ đĩa mang lại nhiều rủi ro như bị đánh cắp dữ liệu, virus,...

3.2. Giải pháp.

3.2.1. Giải pháp về tổ chức bộ máy kế toán.

Giải pháp 1: Công ty nên thường xuyên liên lạc với nhà phát hành phần mềm để có thể được hỗ trợ, cung cấp, cập nhật phiên bản mới nhất. Nhờ nhà phát hành khắc phục và hướng dẫn xử lý phần mềm khi gặp sự cố khi sử dụng.

Giải pháp 2: Song song việc sao lưu trên ổ đĩa máy tính, công ty nên sao lưu thêm dữ liệu trên đám mây để hạn chế những rủi ro có thể xảy ra.

3.2.2. Giải pháp về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Hà Lâm.

Giải pháp 1: Công ty nên để kế toán thuế là người nhập bảng kê mua vào/bán ra. Kế toán mua hàng/bán hàng nên là người hạch toán bút toán đầu vào/đầu ra. Để giảm bớt hơn công việc của kế toán thuế.

Giải pháp 2: Kế toán thuế nên in ra tờ khai, sổ kế toán mỗi kỳ, trong trường hợp dữ liệu sao lưu trên ổ đĩa công ty bị mất thì vẫn còn bộ hồ sơ bằng giấy.

Giải pháp 3: Công ty nên tuyển dụng thêm kế toán tổng hợp để đảm nhận nhiệm vụ tổng kết số liệu, báo cáo,... để tránh trường hợp kế toán thuế phải làm luôn công việc này như hiện tại.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu và phân tích đề tài "*Kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Hà Lâm*", em đã thu được nhiều kiến thức và kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực kế toán thuế. Đề tài đã giúp em hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc kê khai thuế một cách chính xác và minh bạch trong các doanh nghiệp dịch vụ. Qua đó, em nhận thấy rằng việc áp dụng các chuẩn mực kế toán và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan là nền tảng vững chắc để doanh nghiệp duy trì hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững.

Em cũng nhận ra rằng, Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, kế toán thuế giá trị gia tăng đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tài chính và tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp. Thông qua nghiên cứu và phân tích về kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hà Lâm, em đã có cơ hội hiểu rõ hơn về quy trình kế toán, các phương pháp ghi nhận và quản lý thuế GTGT cũng như những thách thức mà doanh nghiệp phải đối mặt.

Em xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ và hướng dẫn tận tình của cô Tô Lê Nguyên Khoa cũng như sự hợp tác và giúp đỡ của các anh chị tại công ty đã giúp em tiếp cận hệ thống kế toán thuế của công ty TNHH dịch vụ vận tải Hà Lâm. Sự động viên và chỉ dẫn tận tình của mọi người đã là nguồn động lực lớn giúp em hoàn thành tốt báo cáo này.

Em tin rằng những kiến thức và kinh nghiệm thu được từ quá trình nghiên cứu sẽ là nền tảng vững chắc giúp em phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực kế toán và tài chính trong tương lai. Em hy vọng rằng những nội dung trong báo cáo này sẽ mang lại giá trị hữu ích cho doanh nghiệp và những người quan tâm đến lĩnh vực kế toán dịch vụ.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn và mong nhận được những ý kiến đóng góp để hoàn thiện hơn công việc nghiên cứu của mình.

PHỤ LỤC

Phụ lục 01: Sổ nhật ký chung Quý I/2024

Đơn vị: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ LÂM
Địa chỉ: 27 Đường TA, khu phố 03, phường Thới An, Q.12, TP.HCM

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Quý I năm 2024

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	H	1	2
...
05/01/2024	14	05/01/2024	Cước vận chuyển hàng	x	1311	486,000	
				x	5113		450,000
				x	33311		36,000
05/01/2024	15	05/01/2024	Cước vận chuyển hàng	x	1311	65,880,000	
				x	5113		61,000,000
				x	33311		4,880,000
06/01/2024	03/1PC	06/01/2024	Phi thuế xe, hđ 03	x	6417	18,000,000	
				x	1331	1,440,000	
				x	1111		19,440,000
06/01/2024	04/1PC	06/01/2024	Dầu DO, hđ 5672	x	621	2,727,273	
				x	1331	272,727	
				x	1111		3,000,000
...
31/03/2024	2/3PKT	31/03/2024	K/C thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024	x	33311	306,010,024	
				x	13311		306,010,024
...

- Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ lục 02: Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào Quý I/2024

Mẫu số: 01-2/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HOÀ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT)
Kỳ tính thuế: Tháng năm / Quý Năm

Người nộp thuế:
Mã số thuế:

STT	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm lập hoá đơn	Tên người bán	0	Hàng hóa	Doanh số mua chưa có thuế	Thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế	Ghi chú
[1]	[3]	[2]	[3]	[4]	[5]	[8]	[6]	[7]	[8]
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
81	1K24TAN	33587	05/01/2024	CN XDSG-CTy Xăng Dầu Khu Vực II TNHH MTV	0300555450001	Dầu DO, hđ 33567	1.591.304	159.130	1.750.434
82	1K24TAA	8560	06/01/2024	Công Ty TNHH MTV Xăng Dầu Quảng Nam	4001273085	Dầu DO, hđ 8560	5.436.516	543.652	5.980.168
83	1K24TXT	4217	06/01/2024	Chi nhánh Xăng Dầu Bình Thuận	3500102573019	Dầu DO, hđ 4217	2.727.315	272.731	3.000.046
84	1K24TAA	8783	06/01/2024	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	3300100988	Dầu DO, hđ 8783	6.036.404	603.640	6.640.044
85	1K24TAC	8832	06/01/2024	Công ty CP VT và DV Petrolimex Nghệ Tĩnh	2900428497	Dầu DO, hđ 8832	2.954.546	295.454	3.250.000
86	1K24TAA	12198	06/01/2024	Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Quảng Ngãi	4300298507	Dầu DO, hđ 12198	2.409.141	240.914	2.650.055
87	1C24TTT	3	06/01/2024	Công ty TNHH MTV TM DV Vận Tải Trí Tu	0311646533	Phi thuế xe 51C, 59554, hđ 3	18.000.000	1.440.000	19.440.000
88	1K24TAC	5672	06/01/2024	Công Ty TNHH MTV Xăng Dầu Bắc Tây Nguyên	5900182337	Dầu DO, hđ 5672	2.727.273	272.727	3.000.000
89	1K24TAA	9765	06/01/2024	Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	6000235027	Dầu DO, hđ 9765	3.818.273	381.827	4.200.100
90	1K24TAA	8584	06/01/2024	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	3600247325	Dầu DO, hđ 8584	4.272.770	427.277	4.700.047
...
Tổng							3,421,512,916	332,085,425	3,753,598,341

Tổng giá trị HHDV mua vào phục vụ SXKD được khấu trừ thuế GTGT (**):
Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào đủ điều kiện được khấu trừ (***):

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Phụ lục 03: Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra Quý I/2024

Mẫu số: 01-UGTGT
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 23/8/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT)
 Kỳ tính thuế: Tháng năm / Quý Năm.....

Người nộp thuế:

Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm lập hoá đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Ghi chú
7	1C24THL	7	04/01/2024	Công Ty TNHH Hè STUDIO	0313634597	Cước vận chuyển hàng	11,424,000	913,920	12,337,920
8	1C24THL	8	04/01/2024	Hủy - Thuế đã duyệt TTSS					
9	1C24THL	9	04/01/2024	Công Ty TNHH Xây Dựng Milano	0315565275	Cước vận chuyển hàng từ TP. HCM đi DL2388	6,800,000	544,000	7,344,000
10	1C24THL	10	04/01/2024	Công Ty TNHH Giải Pháp ONEMIND	0317213279	Cước vận chuyển từ TP HCM đi Đà Nẵng	3,000,000	240,000	3,240,000
11	1C24THL	11	05/01/2024	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Lê Nguyễn	0107385873	Cước vận chuyển từ TP HCM đi Quảng Ngãi	1,651,000	132,080	1,783,080
12	1C24THL	12	05/01/2024	CN CTY CP PIZZA 4PS - NH PIZZA 4PS Hoàng Văn Thụ	0313168515-009	Cước vận chuyển hàng	900,000	72,000	972,000
13	1C24THL	13	05/01/2024	CN CTY CP PIZZA 4PS-Nhà Hàng PIZZA 4PS HIRAKI	BC0313168515-017	Cước vận chuyển hàng	450,000	36,000	486,000
14	1C24THL	14	05/01/2024	CN CTCP PIZZA 4PS-Nhà Hàng Pizza 4PS Nhà Trang	0313168515-013	Cước vận chuyển hàng	450,000	36,000	486,000
15	1C24THL	15	05/01/2024	Công Ty TNHH Cơ Khí Công Nghiệp Miền Nam	0305264705	Cước vận chuyển hàng	61,000,000	4,880,000	65,880,000
16	1C24THL	16	06/01/2024	Công Ty CP Hàng Tiêu Dùng Hùng Dũng	0302415699	Cước vận chuyển t? TP. HCM đi Hà Nội	4,500,000	360,000	4,860,000
17	1C24THL	17	06/01/2024	Hủy - Thuế đã duyệt TTSS					
18	1C24THL	18	06/01/2024	Công Ty TNHH DV Quả Tàng Phương Phương	0108926298	Cước vận chuyển hàng từ Hà Nội đi Đà Nẵng	4,600,000	368,000	4,968,000
19	1C24THL	19	06/01/2024	Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen-CN tỉnh Đồng Nai	3700381324-471	Cước vận chuyển hàng	14,800,000	1,184,000	15,984,000
20	1C24THL	20	08/01/2024	Công ty TNHH Thương mại Rồng Phương Bắc	0305959903	Cước vận chuyển hàng	96,204,800	7,696,384	103,901,184
21	1C24THL	21	08/01/2024	Công ty TNHH SON KOVA NANO Quốc Tế	3901324125	Cước vận chuyển hàng từ Hà Nội đi Tây Ninh	2,000,000	160,000	2,160,000
22	1C24THL	22	08/01/2024	Công Ty TNHH Thiết Bị Năng Việt Hàn	0313769014	Cước vận chuyển hàng từ TP. HCM đi Hà Nội	1,150,000	92,000	1,242,000
23	1C24THL	23	08/01/2024	Công Ty TNHH Dệt Và Phụ Keo S5	1101716955	Cước vận chuyển hàng	76,163,750	6,093,100	82,256,850
24	1C24THL	24	08/01/2024	Công Ty TNHH SX CK Công Nghiệp Miền Nam	0314362498	Chi phí vận chuyển đến Cty TNHH KThuật CNg	4,500,000	360,000	4,860,000
...
Tổng							3,825,125,343	306,010,024	4,131,135,367
							Kỳ trước chuyển	41,916,412	
							Mua vào	332,085,425	
							Dư VAT	(67,991,813)	

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (*):

Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra (**):

....., ngày tháng năm.....
 NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Phụ lục 04: Sổ cái tài khoản 133

Đơn vị: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ LÂM

Địa chỉ: 27 Đường TA, khu phố 03, phường Thới An, Q.12, TP.HCM

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Quý I năm 2024

Tên tài khoản: Thuế GTGT được khấu trừ

Số hiệu: 133

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				41,916,412	
			- Số phát sinh trong kỳ					
...
06/01/2024	01/IPC	06/01/2024	Dầu DO, hđ 8832	1111	295,454	
06/01/2024	02/IPC	06/01/2024	Dầu DO, hđ 12198	1111	240,914	
06/01/2024	03/IPC	06/01/2024	Phí thuê xe, hđ 03	1111	1,440,000	
06/01/2024	04/IPC	06/01/2024	Dầu DO, hđ 5672	1111	272,727	
...
31/03/2024	PKT01	31/03/2024	K/C thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024			33311	-	306,010,024
			- Tổng phát sinh trong kỳ				332,085,425	306,010,024
			- Số dư cuối kỳ				67,991,813	

- Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 05: Sổ cái tài khoản 333

Đơn vị: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ LÂM
Địa chỉ: 27 Đường TA, khu phố 03, phường Thới An, Q.12, TP.HCM

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
Quý I năm 2024
Tên tài khoản: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
Số hiệu: 333

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...
04/01/2024	10	04/01/2024	Cước vận chuyển từ TP HCM đi Đà Nẵng	131		240,000
05/01/2024	11	05/01/2024	Cước vận chuyển từ TP HCM đi Quảng Ngãi	131		132,080
05/01/2024	12	05/01/2024	Cước vận chuyển hàng	131		72,000
05/01/2024	13	05/01/2024	Cước vận chuyển hàng	131		36,000
05/01/2024	14	05/01/2024	Cước vận chuyển hàng	131		36,000
05/01/2024	15	05/01/2024	131		4,880,000
...
31/03/2024	PKT01	31/03/2024	K/C thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024			1331	306,010,024	
			- Tổng phát sinh trong kỳ				306,010,024	306,010,024
			- Số dư cuối kỳ				-	

- Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 08: Tờ khai thuế GTGT (Mẫu số 01/GTGT) Quý I/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số:
01/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (MẪU SỐ 01/GTGT)
(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

[01b] Kỳ tính thuế: Quý 1 năm 2024

[02] Lần đầu: **[03]** Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ LÂM

[05] Mã số thuế: 0311938007

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Phường/xã:

[11b] Quận/Huyện:

[11c] Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)		Thuế giá trị gia tăng	
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]		[]	
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang			[22]	41.916.412
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước				
I	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ				
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	3.421.512.916	[24]	332.085.425
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a]	0	[24a]	0
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này			[25]	332.085.425

2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này	[25]	332.085.425
II Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ			
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26]	0
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27]	3.843.625.343 [28] 306.010.024
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	18.500.000
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0 [31] 0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	3.825.125.343 [33] 306.010.024
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	0
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ([34]=[26]+[27]; [35]=[28])	[34]	3.843.625.343 [35] 306.010.024
III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25])	[36]	(26.075.401)
IV Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước			
1	Điều chỉnh giảm	[37]	0
2	Điều chỉnh tăng	[38]	0
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ	[39a]	0
VI Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:			
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ {[40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]} ≥ 0}	[40a]	0
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ([40b] ≤ [40a])	[40b]	0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ([40]=	[40]	0

2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ($[40b] \leq [40a]$)	[40b]	0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ($[40] = [40a] - [40b]$)	[40]	0
4	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này $\{[41] = ([36] - [22] + [37] - [38] - [39a]) \leq 0\}$	[41]	67.991.813
4.1	Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn ($[42] \leq [41]$)	[42]	0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ($[43] = [41] - [42]$)	[43]	67.991.813

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 26 tháng 04 năm 2024

**NHÂN VIÊN ĐẠI
LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành
nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

Hồ Ngọc Lâm

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ LÂM.**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật thuế GTGT năm 2016, Quốc hội ban hành:

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-Luat-thue-gia-tri-gia-tang-2016-312437.aspx>

2. Thông tư hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT năm 2021, Bộ tài chính ban hành:

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Van-ban-hop-nhat-21-VBHN-BTC-2021-Thong-tu-huong-dan-Luat-thue-gia-tri-gia-tang-504521.aspx>

3. Thông tư 200 năm 2014, Bộ tài chính ban hành:

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-200-2014-TT-BTC-huong-dan-Che-do-ke-toan-Doanh-nghiep-263599.aspx>

4. Chuẩn mực kế toán năm 2002, Bộ tài chính ban hành:

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Ke-toan-Kiem-toan/Quyet-dinh-165-2002-QD-BTC-sau-06-chuan-muc-ke-toan-Viet-Nam-50537.aspx>

5. Sách “ Thuế và kế toán thuế”. PGS. TS. Phạm Đức Cường (Đại học Kinh Tế Quốc Dân) viện kế toán-kiểm toán.